

TỰA

Nghiên cứu một tôn giáo là tìm hiểu tận ngọn nguồn triết lý của tôn giáo ấy bao gồm cả những chuyện thần thoại vốn mang ý nghĩa tượng trưng cho triết học, kể đến là những nghi lễ tế tự, hình thức tổ chức thể hiện ý nghĩa của triết lý một cách cụ thể trong sinh hoạt hữu hình.

Sự sống của một cá nhân con người hay một cộng đồng tín ngưỡng luôn luôn biến dịch với thời gian, không gian. Những đổi thay của quan niệm triết học, của hình thức tổ chức và nghi lễ tôn giáo trên dòng thời gian tạo thành lịch sử của tôn giáo ấy.

Khởi sự sâu rộng vào quần chúng từ năm 1925 đến năm 1975, Đạo Cao Đài đã hiện thực được 50 năm lịch sử. Nhìn lại đoạn đường đã qua đầy gian lao thống khổ pha lẫn với hân hoan, chúng ta thấy vẫn còn nhiều thắc mắc về những nét cơ bản triết lý, thần quyền, nghi thức mà tập nhận định này sẽ lần lượt làm sáng tỏ một phần nào hầu giúp quý độc giả hiểu được Thánh ý của Đức Chí Tôn rõ ràng hơn.

Mục đích của người viết chỉ nhằm đưa ra những nhận định của cá nhân mình như một hồi quang phản chiếu đối với 50 năm lịch sử Đạo đã qua hầu gạn lọc tinh hoa của giáo thuyết và hành động đã phô diễn trước nhơn sanh cho biểu hiện được rõ ánh sáng chân lý của nền Đại Đạo do Đức Chí Tôn khai sáng.

Xin tạm gọi là góp một chút công tìm hiểu giáo lý Cao Đài vậy.

Kính trình Hội Thánh Lương Đài và Ban Đạo Sử một tài liệu để tham khảo.

Viết nhân lễ kỷ niệm Khai Đạo lần thứ 50.

15 tháng 10 Giáp Dần 1974.

Nguyễn Long Thành



ĐẠO THẦY DUY CÓ MỘT

Đã nửa thế kỷ trôi qua, kể từ ngày Đức Chí Tôn dụng huyền linh cơ bút giảng trần khai mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ còn gọi là Đạo Cao Đài. Thời gian 50 năm chưa đủ để sống trọn một kiếp người nhưng lịch sử Đạo giáo đã dật nên biết bao trang oai hùng tráng lệ, hòa lẫn với thống thiết bi ai.

Tôi không muốn ghi lại nơi đây tất cả những gì đã xảy ra trong 50 năm ấy với đầy đủ chi tiết như những sử gia vẫn thường làm, mà trái lại chỉ muốn hiện lên cho rõ nét Thánh ý của Đại Từ Phụ giữa những điều dị biệt, tương phản trong rừng giáo lý Cao Đài đương độ trăm hoa đua nở.

Đạo Cao Đài được hình thành từ hiện tượng huyền linh cơ bút, điều đó không ai chối cãi và Đức Chí Tôn cùng các Đấng trọn lành đã nói chuyện được với loài người qua cơ bút, điều đó cũng không ai chối cãi. Thế nhưng mặt khác, cũng chính cơ bút đã để lại trong tâm trí con người những dấu vết của tà thần tinh quái.

Lời cảnh giác của Đức Chí Tôn ngay từ buổi ban đầu khi Ngài sử dụng hiện tượng huyền linh cơ bút :

" Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lôi Âm Tự lập pháp Tam Kỳ Phổ Độ, quỉ vương đã khởi phá khuấy chơn Đạo, đến danh Ta nó còn mượn, duy ngại Ta nó chẳng dám ngồi mà thôi, lại còn hiểu rõ rằng Ta đến với huyền diệu này, mượn cơ mầu nhiệm hiệp Tam Thập Lục Động đổi gọi Tam Thập

Lục Thiên, các tên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật bị mạo nhận mà lập nên tả Đạo". (TNHT. TG. 22-8-1926)

Nguyên lý của hiện tượng con người thông công với Thượng Đế dù dưới hình thức nào cũng vậy :

*"...Ấy là một phần của con, một phần của Thầy hiệp nhứt mới thấu đáo càn khôn tinh thông vạn vật đặng".
(TNHT. TG. 3-1-1926)*

Thầy thì trọn lành.
Con thì phàm tục.

Phàm Thánh trộn lại với nhau biến ra hình Thánh giáo. Vì vậy trong nguồn gốc của cơ bút đã có phần của con người dự vào phần của thiêng liêng. Thầy thì có một, người thì muôn vẻ. Thầy thì vô vi mà biến dịch, bất ngôn mà đại hóa. Người thì biến đổi lại sống không thuần nhất lý. Bởi vậy cơ bút có đủ quyền năng lập Đạo thì cũng chính cơ bút đã dẫn dắt con cái Đức Chí Tôn chia phe phân phái không ít.

Chính Đức Thất Nương Diêu Trì Cung đã thổ lộ :

*" Nhất là về việc Diêu Trì Cung bị mượn danh nơi khác mà đối gạt nhưn sanh, cái hại ấy vốn chẳng vừa về phần tín ngưỡng, chớ chi thất tại tà quyền thì có mấy em trừ khử nhưng tại nơi đồng tử thì mấy em không phương giải nạn cho mấy người mê tín".
(TNHT. TG. 9-4- Giáp Tuất 1934)*

Trong thời kỳ tiền Khai Đạo, khoảng từ cuối năm 1919 đến năm 1925 có biết bao lần Đức Chí Tôn đã tá danh Cao Đài Tiên Ông cùng các Đấng Thiêng Liêng khác giảng cơ phổ độ chúng sanh, tùy theo tâm lý phàm tục của mỗi đứa con, Đại Từ Phụ đã dùng huyền diệu cơ bút và những hiện tượng mặc khải cá nhân khác để độ rỗi con cái của Ngài, đại loại gồm những hình thức :

- Cho thuốc hay chỉ dẫn những phương pháp điều trị để chữa bệnh cho những người hữu căn cần được cứu sống.
- Tiên tri cho những người nào tò mò muốn biết tương lai ra sao.
- Giải lý cho những người thích tra cứu ngọn nguồn căn cơ yếu lý trong nhiều lãnh vực văn chương, khoa học nghệ thuật, thần quyền.
- Làm những hiện tượng linh hiển trước mắt để dẫn dụ đức tin của những kẻ không muốn nhìn Trời.

Lòng từ bi của một ông cha hiền lành quá lễ đã chịu theo tâm lý phàm tục của nhơn sanh mà day trở mối thiên thơ cho dễ bề độ rỗi đến nỗi có một lần Ngài phải thốt tiếng than :

Cao Đài tá thế đến phàm gian,
 Bạch Ngọc Huỳnh Kim cũng chẳng màng.
 Chịu lụy đòi phen xem quá tục,
 Nghĩ không đồ lụy phải cười khan.

-0-0-

Cười khan mà khóc bởi thương bầy,
 Chẳng mất một con nghiệt cả bầy.
 Biết phận già không chờ chống gậy,
 Nương theo con dại mới ra vầy. (TNHT. TVDD)

Ấy là những nét phàm tục của con người còn lưu dấu lại trong văn chương cơ bút, nó hé lộ đôi điều bí ẩn sẽ dần dần hiện ra sau này trên dòng lịch sử Cao Đài giáo. Sự hùn vốn của bàn tay con người vào trong hiện tượng huyền linh cơ bút hay là mặc khải cá nhân cũng vậy, đã là một trong những nguyên nhân tạo nên tình trạng lưỡng phân quyền pháp của Thượng Đế ngay từ buổi đầu lập giáo khi mà Đức Chí Tôn còn sử dụng hàng loạt đồng tử có trình độ và khả năng thông công khác nhau ở nhiều nơi cùng tác động trên một vùng đất của miền nam Việt Nam. Qua cơ bút, đôi khi Đức Chí Tôn đã thân hành đến tận tư gia, kêu từng đứa con yêu ái của Ngài dạy phải thức tỉnh chung lo việc Đạo. Tánh ý mỗi người mỗi khác, trí thức chẳng đồng, tâm lý chẳng đồng mà nay phải hiệp hòa chung lo việc Đạo thì quả thật là phải khó.

Mầm mống của hiện tượng chi phái là do lòng người khác biệt, chớ nào phải ở Thánh ý Đức Chí Tôn vốn chỉ có một quyền Tạo Hóa trong càn khôn vũ trụ này chớ nào có hai Thượng Đế bao giờ. Ngài đến để lập Đạo Cao Đài và chịu theo tâm ý của từng cá nhân, Thánh giáo qua cơ bút truyền dạy có những sắc thái cá biệt ngay từ đầu làm điểm tựa cho những hướng rẽ của đức tin sau này.

Cớ sao cũng một Đức Cao Đài mà với đồng tử này Ngài lại dạy khác, với đồng tử kia Ngài lại dạy khác nữa, những khác biệt về hình thức nhưng vẫn thuần nhất lý thì không nói chi, nhưng khác biệt đối nghịch thì sao ? Chẳng hạn đối với vấn đề chi phái, Thánh giáo Tòa Thánh Tây Ninh cho rằng Đạo Thầy duy có một, cho nên kẻ nào cứ tâm chia phe phân phái là nghịch cùng Thánh ý Đức Chí Tôn, trong khi Thánh giáo của chi phái cho rằng chính Đức

Chí Tôn đã lập ra 12 chi phái. Lý trí của con người không sao tránh khỏi thắc mắc.

Xem lại tinh thần của những bài Thánh giáo trong thời kỳ tiền khai đạo thu nhận được từ nhiều nơi, do nhiều đồng tử khác nhau không cùng khuynh hướng tâm linh thông công, chúng ta thấy dòng tư tưởng Cao Đài giáo trong thời kỳ này đáp ứng một cách tắn mác những thị hiệu tâm linh cá nhân của người tham dự đàn cơ khá rõ rệt.

Kẻ chán đời muốn tìm Tiên học Đạo luyện thuốc trường sinh hay cầu giải thoát được đáp ứng bằng huyền diệu linh hiển tại thế, mà người bôn xu quốc sự cũng được tiên tri mách bảo vận nước suy vong bĩ thối thế nào, thậm chí cầu mua may bán đất cũng được Ông Trên chiếu cố, hay xướng họa thi văn đùa giỡn với Tiên Nương cũng không bị quở trách. Trong toàn bộ những khác biệt ấy có Thiên ý rõ rệt là làm thức tỉnh tinh thần sanh chúng hưởng về chỗ linh thiêng của Trời Phật để chuẩn bị cho lòng người sẵn sàng đón nhận một biến cố mới thuộc phạm vi bán hữu hình là sự khai mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do huyền linh cơ bút điều khiển trực tiếp.

Đứng trên quan điểm thần quyền chúng ta thấy khá rõ rệt trong thời kỳ tiền khai Đạo có một lần yển sáng tâm linh từ Thiên cung tỏa xuống một cách mãnh liệt trên vùng đất ở miền Nam Việt. Nguồn sinh lực nhiệm mầu ấy mang nhiều tính hồng từ hơn hồng oai và không dành riêng cho một ai, tất cả mọi sinh vật từ cỏ cây thú vật đến con người, đều được hưởng nhờ ít nhiều tùy mức độ hấp thụ do điều kiện cảm ứng của tinh thần mỗi sinh linh hiện hữu. Nó đánh

thức toàn bộ chức năng tâm sinh lý của con người theo chiều hướng trở về nguồn gốc chí linh hằng hữu.

Lãnh vực này ít thấy sử sách ghi lại những hiệu ứng của nó trên văn tự mà thuộc phần sinh hoạt bán hữu hình của hàng chơn tu giác tánh. Trong giai đoạn lịch sử có tính cách chuẩn bị Khai Đạo này, Ngài Ngô Văn Chiêu được sử sách Đạo nhắc nhở tới nhiều vì lý do từ dòng thần lực ấy, Ngài đã tể ra thành một dòng tu chuyên biệt về tịnh luyện tham thiền và không hoàn thành nổi sứ mạng làm Giáo Tông của nền Đạo Cao Đài sắp thành hình ngay sau đó.

Tóm lại tiền Khai Đạo là một giai đoạn lịch sử mà Đức Chí Tôn và các Đấng Trọn Lành ban bố lòng từ bi, tha thứ những lỗi lầm của nhơn sanh, chịu theo phàm tính của mỗi người để dụ dỗ cho tinh thần họ, chịu hưởng về chỗ tu hành, còn quan niệm phải tu hành như thế nào thì quyền lực thiêng liêng chưa gò ép lòng người cho lắm. Tiếng than của Đại Từ Phụ :

*" Chiu lụy đòi phen xem quá tục,
" Nghĩ không đở lụy phải cười khan."*

Nhìn ở góc độ này mới thấy nổi chiều sâu của những gút mắc lịch sử Đạo giáo, và từ góc độ ấy chúng ta sẽ hiểu được tại sao Ngài Ngô Văn Chiêu từ ngôi Giáo Tông và tại sao chi phái thành hình, mà người làm việc ấy tự tin rằng mình hành động như thế là đúng Thiên ý.

TẠI SAO NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU TỪ NGÔI GIÁO TÔNG

Mầm mống của hiện tượng chi phái khởi từ nguyên lý huyền linh cơ bút, chịu theo thị hiếu cá nhân của người thợ giáo, để un đúc nơi lòng họ đức tin ban đầu vào quyền lực thiêng liêng, của thế giới vô hình đang dẫn dắt họ hướng về mục đích tu hành. Mỗi lần tác động để thay đổi một góc độ nào đó của nhân sinh quan làm một thử thách, một bước tiến bộ, một hình thức khai mở tâm trí thì trạng thái tinh thần của người tu học có thể ở vào một trong ba trường hợp sau đây :

- Hoặc tiếp thu được Thánh ý của Thiêng Liêng mà sửa mình cho kịp bước sự dìu dắt của Ông Trên.
- Hoặc đối kháng hẳn lại, mất đức tin vào sự dìu dắt đổi mới này và cố bám vào nếp tư duy hiện có như là một bảo đảm cho niềm phúc lạc, một chứng minh cho chân lý đã hiểu được.
- Hoặc lưỡng chùng nửa tin nửa ngờ, hành động không có gì rõ rệt, một thái độ lấp lửng thiên môn.

Chúng ta hãy lấy một thí dụ về biến cố khúc quanh trong tư tưởng nhưn loại, chung quanh vấn đề quả đất và mặt trời. Vào khoảng đầu thế kỷ 17 sau khi ông Galiléo đã chế tạo thành công được một viễn vọng kính có tầm nhìn xa, ông kết luận rằng mặt trời đứng yên một chỗ, quả đất tròn như trái cam và quay xung quanh mặt trời và tự xoay tròn trên mình nó, tạo ra hiện tượng ngày đêm.

Dòng tư tưởng của nhân loại trước đó căn cứ vào những gì mắt thấy tai nghe thì bầu trời như cái vung úp xuống, mặt đất phẳng có chỗ giáp mối nơi chân trời, mặt trời mọc ở phương đông di chuyển và lặn ở phương tây.

Khi Galiléo công bố một điều mới lạ về chân lý trái ngược với quan niệm thông thường của quần chúng, thì thái độ của nhân loại chia ra làm ba hạng người, một hạng tin theo, một hạng chống đối và một hạng lưỡng chùng.

Thượng Đế đã tác động trên tinh thần của nhà bác học Galiléo để ông đui dắt nhân loại giác ngộ, nhận định cho đúng hình ảnh của vũ trụ như thế nào là một bước tiến trong đời sống trí tuệ của nhân loại, thế nhưng vẫn có một phần người từ chối tư tưởng mới này và họ sống một cách thật tình rằng, chống đối lại tư tưởng Galiléo là một hành vi đạo đức, bảo vệ chân lý mà giác quan con mắt là đầu mối cung ứng cho họ ý niệm ấy.

Ngài Ngô Văn Chiêu được Đức Chí Tôn dùng huyền diệu để thu phục đức tin của Ngài dưới nhiều hình thức, để rồi sau đó từ từ dẫn dắt Ngài qua những khúc quanh tu hành như sau :

- 1/- Ăn chay 10 ngày mỗi tháng.
- 2/- Ba năm trường trai.
- 3/- Chấp nhận gọi Tiên Ông bằng Thầy.
- 4/- Thờ Thiên Nhân.
- 5/- Công phu khổ hạnh.
- 6/- Chấp nhận làm anh cả trong một nhóm nhỏ bạn đạo chưa thành hình tổ chức tôn giáo (vai trò trưởng nhóm).

Sáu biến cố lớn ấy trong cuộc đời Ngài, Ngài đều qua được tâm thức chuyển biến theo kịp lời dạy dỗ của Đức Chí Tôn, hành động thuận theo Thiên ý. Nhưng tới khúc quanh chót là phải làm Giáo Tông, nghĩa là anh cả toàn thể khối lớn tín đồ Cao Đài đang tổ chức thành hình một tôn giáo với đủ mọi thành phần xã hội, đủ mọi xu hướng chính trị và tâm lý khác nhau vô cùng phức tạp và thường xuyên bị chính quyền Pháp theo dõi, đe dọa về an ninh cá nhân thì Ngài cương quyết từ chối. Ngài trở lại nếp sinh hoạt tịnh luyện, thiền định mà Đức Chí Tôn đã ban bố đầy đủ ân huệ nhiệm mầu cho Ngài trong giai đoạn trước và tìm thấy nơi đó một sự bằng an giải thoát với ý niệm rằng Đạo Cao Đài có phần vô vi do Ngài chưởng quản, còn phần phổ độ để cho nhóm người khác lo liệu cũng được, Ngài không can dự vào.

Ý niệm này đã tạo ra tình trạng lưỡng phân quyền pháp của Đức Chí Tôn tại thế trong quan niệm tổ chức Đạo Cao Đài còn gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và Ngài Ngô Văn Chiêu chỉ chịu trách nhiệm trước lịch sử đến mức đó mà thôi. Thế nhưng dòng đời cay nghiệt nối tiếp theo sau bước đi rẽ lối của Ngài, người ta thấy xuất hiện một dòng tư tưởng mới, chủ trương chia cắt tổ chức Đạo Cao Đài thành nhiều phái sinh hoạt riêng biệt, tư tưởng này lớn mạnh dần với thời gian mà đến nay nửa thế kỷ đã trôi qua chưa thấy có một giải pháp nào hữu hiệu hàn gắn lại được thành một khối đoàn kết thương yêu thống nhất. Quan niệm chia cắt tổ chức Đạo Cao Đài thành hai phần vô vi và phổ độ riêng biệt, phát xuất từ lòng người chưa thấu đáo chơn truyền tận độ của Đức Chí Tôn, nó để lại trong dòng lịch sử Đạo giáo những dấu vết của sự thiếu hòa hợp, chưa có một quyền hành nào chia riêng ra được trí tuệ với hình vóc con

người thì cũng không có chơn pháp nào cho phép chia cắt Đạo Cao Đài thành hai phần vô vi và phổ độ hoạt động riêng lẻ. Nhà truyền giáo làm công việc phổ độ chúng sanh, không phải là những kịch sĩ trên sân khấu đang nhả ra những lời hoa mỹ đạo đức từ một nội tâm rỗng tuếch và ngược lại người hành công phu tu luyện cũng không phải là quay mặt vào thế giới nội tâm để sống ích kỷ cho riêng mình. Khi ánh sáng nội tâm tràn đầy chánh đạo, công phu tu luyện nội tâm gắn liền với phổ độ chúng sanh ở một tầng sinh hoạt vi diệu hơn hình thức, mượn âm thanh sắc tướng để phô diễn chân lý, dẫn dụ lòng người vào nẻo thiện. Chẳng hạn có trường hợp phải vận dụng quyền năng tư tưởng ở tầng âm thanh lặng để điều chỉnh những hoạt động hữu hình sắp xảy ra cho một cá nhân hay cộng đồng theo chiều hướng làm thức tỉnh chơn thần của họ là một trong nhiều việc mà bậc chơn tu giác tánh phải làm, chớ nào phải ngồi mơ màng thả hồn theo mây gió rong chơi gọi là vui hưởng thú thanh nhàn của miền ảo giác tâm linh đang tượng hình trong cõi pháp giới khi thần thức vừa tách rời khỏi trung khu não do một kích động nào đó.

Thượng Đế vô vi nhi dịch sử quần linh thì sinh hoạt của bậc chơn tu giác tánh cũng đồng lý ấy nhưng nhỏ bé hơn và thấp thỏi hơn trong quyền pháp mà thôi. Xét trên quan điểm lợi ích thiết thực cho cá nhân, so sánh hai trạng thái nội tâm thì đường lối tu hành tịnh luyện thiên định của Ngài Ngô Văn Chiêu trong giai đoạn tiền khai Đạo được sự nâng đỡ của Đức Chí Tôn đã đem lại cho Ngài sự bằng an thánh thiện hơn là đảm nhiệm vai trò làm Giáo Tông Đạo Cao Đài sẽ có nhiều phiền não trước mắt khó tránh được.

Con đường phổ độ với những phiền não về nhơn tâm và khó khăn về an ninh cá nhân đã làm mất đi sự bằng an

trong tâm của Ngài, khiến Ngài mất đức tin nơi Thánh giáo của nhóm đồng tử Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư thông công, đang thúc đẩy Ngài đến chỗ sẽ gặp nhiều phiền não khó khăn. Ngài chọn giải pháp tạ từ ngôi Giáo Tông, từ chối lãnh trách nhiệm anh cả của toàn thể khối tín đồ Cao Đài đã hình thành một tôn giáo và sống một cách chân thành với sự hiểu biết của trí não Ngài rằng con đường Ngài đang chọn như thế là đúng đắn nhất. Những ấn chứng nhiệm mầu mà Đức Chí Tôn đã ban bố để nâng đỡ đức tin trong khi Ngài công phu khổ hạnh là bằng chứng hùng hồn để Ngài tin rằng khước từ lời dạy làm Giáo Tông là đi đúng với chơn pháp. Trạng thái tâm lý này chẳng khác gì một số những người cầm quyền giáo hội Thiên Chúa giáo vào đầu thế kỷ 17 đã chống đối lại tư tưởng mới của Galiléo về việc quả đất tròn¹.

Nói tóm lại, nếu Ngài nhận làm Giáo Tông Đạo Cao Đài, phiền não sẽ đến với Ngài nhiều hơn, bởi Ngài

¹ ...Armed with his telescope, which magnified thirty times, Galiléo discovered mountains on the moon, the stars of the Milky Way, the moons of the planet Jupiter, and spots on the sun. For sometimes he had been convinced that the views of Copernicus were correct, but now his telescope confirmed them without a doubt, Galiléo however, feared to publish his findings. After waiting some fifteen years, he could no longer stifle the urge to proclaim the truth of his ideas. In 1632, therefore, he published the great work of his life, defending the Copernican system. In this same year he was called before Church authorities for trial and was examined on several occasions during the next four years. These trials thoroughly broke the spirit of the old scientist, now seventy ; and he was forced to declare publicly that his ideas about the world moving around the sun were false....

Trích trong quyển MAN'S STORY của T. Walter Wallbank USA . Tr 347. 1936

phải gánh vác thêm một khối nghiệp lực của chúng sanh trên vai và nếu Ngài hoàn thành được sứ mạng cao cả ấy, y như lời phú thác của Đức Chí Tôn thì công đức của Ngài sẽ vinh diệu hơn và Thượng Đế tính nơi Ngài sẽ tỏ rạng hơn.

Lời phú thác ấy như sau :

" Chiêu ! Bữa trước hứa lời truyền Đạo cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ mối Đạo đui dắt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó thành công, chẳng nên tháo trút, phải thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó".

(Trích Lịch Sử Ngô Văn Chiêu. Phái Chiếu Minh, xuất bản 1962. Tr. 40)

Và phương cách hành đạo Đức Chí Tôn buộc Ngài : đầu cho một đứa trẻ con còn trong bụng mẹ Ngài cũng phải lo độ rỗi.

" Chiêu Kỳ Trung độ dẫn hoài sanh".

(Lịch sử Ngô Văn Chiêu. Tr 40)

Ngài trở lại tu vô vi được an nhàn hơn. Ngài từ chối gánh nặng nhơn sanh trên vai và chọn giải pháp nhẹ nhàng hơn thì đương nhiên Thượng Đế tính nơi Ngài ít tỏ rạng hơn, lẽ công bằng của Đấng Hóa Công hiển nhiên phải vậy.

Thượng Đế thống ngự vạn vật và hóa dục cả quần sanh, trong khi Giáo Tông chỉ thay mặt Thượng Đế dìu dắt số người làm môn đệ Đức Cao Đài vào đường đạo đức, tức là chịu trách nhiệm đối với toàn thể khối tín ngưỡng Cao Đài. Còn Ngài Ngô Văn Chiêu thì không bằng lòng làm như vậy, Ngài chỉ chọn một số môn đệ Cao Đài nào đó mà tư tưởng hợp với Ngài để độ rỗi gọi là cơ tuyến độ, tu vô vi.

Nói tóm lại, Ngài không chịu dạy dỗ toàn cả khối môn đệ của Đức Cao Đài như Đức Chí Tôn mong muốn. Ngài chỉ chọn một phần nhỏ trong số này để độ rỗi. Việc hành đạo như thế đương nhiên được nhẹ nhàng hơn.

Ngài được Đức Chí Tôn khải thị huyền linh Thiên Nhân trước tiên, ban bố cho Ngài nhiều ấn chứng linh hiển trong công phu tu luyện, dạy Ngài phải làm anh cả trong một nhóm bạn đạo (vai trò trưởng nhóm).

Tất cả những diễn tiến ấy là để chuẩn bị tư tưởng cho Ngài sẵn sàng đảm nhận trách nhiệm làm Giáo Tông Đạo Cao Đài. Thế nhưng Ngài chỉ dừng lại ở mức tu chơn mà thôi vì những lý do đã dẫn giải nêu trên, Ngài đã hiểu lý Đạo như thế, Ngài tin tưởng như thế, Ngài hành động như thế một cách chân thành và sự thành công trong đời tu của Ngài đến mức đó. Người đời sau trong môn phái của Ngài và một số chi phái khác có khuynh hướng muốn tôn vinh Ngài lên thành một nhân vật vẹn toàn trong lịch sử Đạo Cao Đài, nên đã giải thích một cách gượng ép khúc quanh lịch sử này với nhiều lý giải khác nhau.



AI LÀ GIÁO TÔNG ĐẠO CAO ĐÀI ?

Sau khi Ngài Ngô Văn Chiêu khước từ ngôi Giáo Tông thì ai là người thật sự nắm giữ quyền hành của Giáo Tông trong Đạo Cao Đài ? Đây là một vấn đề hết sức hệ trọng và trong lịch sử Đạo Cao Đài có hai quan niệm khác nhau về quyền hạn của Giáo Tông, nằm trong hai hệ tư tưởng thuộc Tòa Thánh Tây Ninh và các chi phái đối kháng nhau.

D)- QUAN NIỆM CỦA TÒA THÁNH TÂY NINH :

Sau khi công bố bản tuyên ngôn Khai Đạo ngày 17-10-1926, những vị tiền bối trong Đạo Cao Đài tổ chức một lễ ra mắt gọi là lễ Khai Đạo tại Từ Lâm Tự (chùa Gò Kén) thuộc tỉnh Tây Ninh vào ngày 15-10- Bính Dần (dl. 18-11-1926).

Trong lễ Khai Đạo này Đức Chí Tôn chính thức ban hành Pháp Chánh Truyền là bản văn qui định một cách tổng quát cách thức tổ chức và điều hành tôn giáo Cao Đài, ấn định các phẩm tước, quyền hạn, trách nhiệm, luật công cử của chức sắc các cấp trong Hội Thánh. Đây là những bài Thánh giáo có giá trị như một bản Hiến Pháp thiêng liêng của Đạo Cao Đài do Đức Chí Tôn giảng cơ chỉ dạy, buộc phải tuân theo và vì vậy không một ai dưới thế gian này có quyền sửa bất cứ một điều khoản nào trong Pháp Chánh Truyền.

Căn cứ theo Pháp Chánh Truyền thì :

" Giáo Tông là anh cả các con, có quyền thay mặt cho Thầy mà dìu dắt các con trong đường Đạo và đường Đời. Nó có quyền về phần xác chứ không có quyền về phần hồn. Nó đặt phép thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới, Lục Thập Thất địa cầu và Thập Điện Diêm Cung đặt cầu rỗi cho các con".

Luật công cử Giáo Tông được qui định trong Pháp Chánh Truyền như sau :

" Còn Giáo Tông thì hai phẩm Chương Pháp và Đầu Sư tranhặng, song phải chịu cho toàn môn đệ công cử mớiặng. Kỳ dư Thầy giảng cơ ban thưởng mới ra khỏi luật ấy".

Đó là về phương diện luật pháp, còn về phương diện nhân sự ai là người thật sự chấp chương quyền hành của Giáo Tông trong Đạo Cao Đài, chúng ta hãy lần lượt xét qua các trường hợp sau đây trong ý thức tôn trọng Pháp Chánh Truyền làm chuẩn :

1/- Quan Phủ Ngô Văn Chiêu :

Ngài là vị môn đồ đầu tiên của Đức Chí Tôn được độ rỗi bằng huyền diệu cơ bút từ năm 1919. Ngài quyết chí tu hành trường trai giới sát, chuyên chú nhiều về việc tịnh luyện, thiền định. Khi thành lập Hội Thánh ĐĐTKPD vào năm 1926 Đức Chí Tôn có dạy chuẩn bị một bộ Thiên Phục Giáo Tông cho Ngài, thế nhưng Ngài từ chối không nhận bộ Thiên Phục này và tách rời khỏi những sinh hoạt của nhóm chức sắc Cao Đài đầu tiên vừa mới thành hình Hội Thánh. Vì vậy Ngài không phải là đệ nhất Giáo Tông của Đạo Cao Đài, tuy nhiên về sau này khi Ngài đã qui thiên

thấy xuất hiện một khuynh hướng tôn vinh Ngài lên làm đệ nhất Giáo Tông của Đạo Cao Đài, do một số môn đồ trong phái của Ngài và các chi phái khác, chủ trương dựa vào sự kiện lịch sử vừa nêu trên. Việc này hoàn toàn trái với ý của Ngài khi còn sanh tiền.

2/- Sự kiêm nhiệm quyền hành Giáo Tông của chơn linh Đức Lý Thái Bạch :

Sau khi Ngài Ngô Văn Chiêu từ chối không chịu nhận trách nhiệm làm Giáo Tông Đạo Cao Đài thì chơn linh Đức Lý Thái Bạch trong hàng Tam Trấn phải kiêm nhiệm quyền hành Giáo Tông này. Trong nhiều lần cơ Ngài xưng danh Lý Giáo Tông là vì vậy, cho đến ngày hôm nay chơn linh Lý Bạch vẫn là Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Tam Trấn là ba vị đại diện cho quyền pháp của Tam Giáo trong tổ chức Đạo Cao Đài gồm có :

- Chơn linh Đức Quan Âm Bồ Tát đại diện cho Phật Giáo.
- Chơn linh Đức Lý Thái Bạch đại diện cho Lão Giáo.
- Chơn linh Đức Quan Thánh Đế Quân đại diện cho Nho Giáo.

Còn Giáo Tông là vị chức sắc lớn nhất trong Đạo Cao Đài có nhiệm vụ làm anh cả đối với tất cả tín đồ. Về phương diện hữu hình, Hộ Pháp vẫn là em của Giáo Tông, về phần thiêng liêng thì đồng vị.

3/- Vị quyền Giáo Tông đầu tiên tại Tòa Thánh Tây Ninh :

Năm 1930 chơn linh Đức Lý Thái Bạch với tư cách là Giáo Tông Đạo Cao Đài, hiệp cùng Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã ký Đạo Nghị Định thứ hai phong cho Ngài Thượng Đầu Sư Lê Văn Trung làm quyền Giáo Tông thay mặt cho Đức Lý thi hành các phận sự của Giáo Tông về phần xác, còn phần thiêng liêng Đức Lý vẫn điều khiển.

Ngài Lê Văn Trung sinh năm 1875 tại Chợ Lớn, Việt Nam, ngoài đời làm quan đến chức Nghị viên Thượng Nghị Viện. Năm 1925 xin từ quan. Ngài theo Đạo Cao Đài từ năm 1926, được phong phẩm Đầu Sư phái Thượng (Thánh danh là Thượng Trung Nhật) rồi thăng lên quyền Giáo Tông năm 1930. Ngài qui thiên năm 1934 nhằm ngày 13-10 âm lịch, thời gian hành đạo là 8 năm tròn, hưởng thọ 59 tuổi.

Nơi mặt tiền ngôi Đền Thánh, phía bên nam tức là bên lầu trống, Hội Thánh cho đắp tượng của Đức Ngài, vị quyền Giáo Tông đầu tiên của Đạo Cao Đài. Đối xứng phía bên nữ là tượng của bà Lâm Hương Thanh, vị nữ tu đầu tiên được phong phẩm Đầu Sư là phẩm cao nhất của nữ phái Cao Đài.

4/- Các vị Giáo Tông ở chi phái :

Năm 1926 Đức Chí Tôn lập thành Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ còn gọi là Đạo Cao Đài, ban hành Pháp Chánh Truyền. Năm sau 1927, Hội Thánh lập Tân

Luật. Ngài Ngô Văn Chiêu sau khi từ chối, không chịu đứng chung trong tổ chức tôn giáo mới thành hình này, vẫn chuyên chú nhiều về việc tịnh luyện, thiền định. Ngài không chủ trương lập giáo quyền hay Hội Thánh chi cả, chỉ theo đuổi một phương pháp tu tập bản thân và có truyền bá pháp môn này cho những người tin theo Ngài.

Từ nguyên thủy tổ chức Đạo Cao Đài được thành hình với một Hội Thánh, một giáo quyền sinh hoạt theo những qui định trong Pháp Chánh Truyền, Tân Luật, trung ương là Tòa Thánh đặt tại làng Long Thành Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam gọi tắt là Tòa Thánh Tây Ninh, tuy nhiên không có chi phái nào trong quyền hành của Hội Thánh cả.

Vài năm sau dưới áp lực của chính quyền Pháp chủ trương chia để trị với những bất hòa, tranh chấp về quyền hành trong nội bộ tôn giáo với những đổ kỵ, mất lòng tin lẫn nhau do phạm tính dấy sinh, cùng với những chỉ dẫn của cơ bút khó phân biệt giả chơn đã bị lạm dụng như một hình thức cầu chứng với thần quyền để bênh vực cho lập trường khác nhau của từng phe nhóm, một số chức sắc đã tách rời ra khỏi quyền hành của Tòa Thánh Tây Ninh, lập thành chi phái hoạt động riêng lẻ và đôi khi đối nghịch. Một vài chi phái có Giáo Tông do công cử hoặc do cơ bút, trong khi chơn linh Đức Lý Thái Bạch vẫn tiếp tục hành xử quyền hành Giáo Tông Đạo Cao Đài từ buổi sơ khai.

Ngài không thoái vị thì ngôi Giáo Tông đâu có chỗ trống để một người khác ở dưới thế lên thay được. Do đó mọi hình thức lên ngôi Giáo Tông ở các chi phái đều không hợp với Pháp Chánh Truyền. Đây là điểm

then chốt về pháp lý và không có một lối giải thích nào vượt qua được, ngoại trừ phải chấp nhận vị trí phụ thuộc gọi là nhánh ngọn từ một gốc duy nhất là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ bị biến tướng ra.

Dĩ nhiên công nghiệp độ rồi như sanh trên con đường hưởng thiên dù ít dù nhiều, thâm sâu hay phiến diện trong lòng người vẫn là những đóng góp vào sự tấn hóa của xã hội và con người mà các tổ chức chi phái đã đạt được.

Thái độ đố kỵ và phân chia trong lòng của một số vị tu ở chi phái đối với Tòa Thánh Tây Ninh hay ngược lại của người tu ở Tòa Thánh Tây Ninh đối với chi phái là một sai lầm nghiêm trọng, hoàn toàn trái với Thánh ý Đức Chí Tôn. Luật pháp đạo giáo áp dụng nghiêm minh là để kèm giữ cho lòng người đừng loạn, đặng giữ bền Thánh chất yêu sanh của Thầy nên trên hết mọi sự phân hóa và biện pháp điều chỉnh, mọi dị biệt nảy sinh do biến tướng trên dòng thời gian. **Chánh pháp của Đạo Cao Đài vẫn phải là tình yêu thương đại đồng.**

II)- QUAN NIỆM CỦA CHI PHÁI :

Tổ chức nguyên thủy của Đạo Cao Đài là H.T.Đ.Đ Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh tại Tây Ninh. Trên dòng thời gian tổ chức này bị phân hóa nội bộ, biến tướng ra thành các chi phái. Tùy theo tâm thức của giới chức sắc cầm quyền tối cao trong các chi nhánh này, quan niệm về quyền hành Giáo Tông của chi phái không giống nhau nhưng tựu trung vẫn mô phỏng theo Pháp Chánh Truyền,

Tân Luật nguyên thủy trong cơ cấu tổ chức và điều hành nhân sự, giáo quyền.

Cho đến năm 1966, ông Hoài Nhân, tác giả quyển " Bốn mươi năm lược sử ĐĐTKPĐ" có liệt kê một danh sách ba mươi lăm (35) tổ chức chi phái Cao Đài có danh xưng hẳn hoi, trong đó ông ghi nhận một số có danh xưng còn thực lực thì không rõ.

Từ các chi phái đã thành hình theo thời gian lại có hiện tượng tách riêng ra thành những phái nhỏ nữa và cho đến nay có ba chi phái có Giáo Tông đó là :

- Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương phái Bến Tre.
- Giáo Tông Nguyễn Bửu Tài phái Tiên Thiên.
- Giáo Tông Cao Triều Phát phái Cao Đài duy nhất.

Do sự khác biệt về nguyên nhân thành hình trong quá khứ, khác biệt về điều kiện nhân sự nội bộ, những quan niệm về quyền hành của vị Giáo Tông trong Đạo Cao Đài do các chi phái giải thích cũng khác nhau ở một vài góc độ nào đó, tuy nhiên vẫn có một điểm chung là tính đối kháng lại với quan niệm của Tòa Thánh Tây Ninh.

Tòa Thánh Tây Ninh cho rằng trên hết có một quyền lực vô hình là Đức Chí Tôn, lập thành một Đạo Cao Đài do một Giáo Tông điều khiển Hội Thánh Cửu Trùng Đài và một Hộ Pháp điều khiển Hội Thánh Hiệp Thiên Đài. Phải tuyệt đối tôn trọng Pháp Chánh Truyền.

Đó là quan niệm chính thống, nguyên thủy khi Đạo Cao Đài mới thành lập và tình trạng nhân sự hãy còn là một khối thuần nhất. Vài năm sau mới có chia rẽ nội bộ

thành chi phái và để biện minh cho sự tồn tại của mình là chánh lý, chi phái đưa ra một cách giải thích khác về Pháp Chánh Truyền và quyền hành Giáo Tông. Chi phái cho rằng trên hết có một quyền hành là Đức Chí Tôn, Ngài lập thành nhiều chi phái theo thời gian, Đạo Cao Đài là tổng số các chi phái, và Tòa Thánh Tây Ninh mặc dù là tổ chức Hội Thánh nguyên thủy, vẫn bị coi là một trong số các chi mà thôi. Như thế có nghĩa là trên hết có một Bát Quái Đài là quyền lực vô hình, dưới thế gian này có vô số Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hội Thánh Hiệp Thiên Đài, tùy theo nền Đạo bị biến tướng đến đâu, sẽ có thêm nhiều Giáo Tông và Hộ Pháp đến đó, mỗi vị điều khiển một chi của mình cùng tồn tại song song với nhau.

Quan niệm này xếp loại như sau :

Cho đến nay Đạo Cao Đài có năm Giáo Tông:

- 1/- Đệ nhất Giáo Tông là Ngô Văn Chiêu.
- 2/- Đệ nhị Giáo Tông là Lê Văn Trung.
- 3/- Đệ tam Giáo Tông là Nguyễn Ngọc Tương
- 4/- Đệ tứ Giáo Tông là Nguyễn Bửu Tài.
- 5/- Đệ ngũ Giáo Tông là Cao Triều Phát.

Còn trường hợp Đức Lý Đại Tiên kiêm nhiệm quyền hành Giáo Tông từ nguyên thủy được gọi là Giáo Tông vô vi.

Năm 1934, chơn linh Đức Lý Thái Bạch với tư cách Giáo Tông Đạo Cao Đài (tổ chức nguyên thủy) đã giáng cơ ban hành Đạo Nghị Định thứ 8 không nhìn nhận tính cách hợp pháp của các chi phái Cao Đài và Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc cũng ký tên vào Đạo Nghị Định này. Chi

phái bị đặt ra ngoài vòng pháp luật Đạo giáo và đương nhiên không được tham dự vào các sinh hoạt thuộc hệ thống giáo quyền Tòa Thánh Tây Ninh.

Như thế là đã thành hình hai quan niệm về quyền hành Giáo Tông đối kháng hẳn với nhau. Trường hợp của Ngài Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương hơi đặc biệt một chút. Ngài lên ngôi Giáo Tông do sự công cử của một số chức sắc, chức việc, đại biểu tín đồ do Ngài triệu tập gọi là Hội Vạn Linh tại Bến Tre vào đầu năm 1935. Quyết định này của Đại Hội đã đặt Ngài vào tư thế phải tranh quyền với Giáo Tông Lý Thái Bạch là điều khó xử đối với Ngài. Khó xử vì chính Đức Lý Giáo Tông cùng với Đức Phạm Hộ Pháp đã ký Đạo Nghị Định thứ hai thăng thưởng Ngài lên địa vị thay mặt cho Đầu Sư Thượng Trung Nhật, để từ đó Ngài tự thấy mình có đủ tư cách pháp lý tranh cử vào ngôi Giáo Tông được và Ngài đã dùng quyền lực lá phiếu của Đại Hội Vạn Linh cử ngài làm Giáo Tông Đạo Cao Đài. Đại Hội Vạn Linh do Ngài triệu tập tại Bến Tre thay vì cử Ngài lên quyền Giáo Tông, nghĩa là người thay mặt Đức Lý về phần xác điều khiển Cửu Trùng Đài, lại cử Ngài ngôi vào vị trí của Đức Lý. Quyền hành Giáo Tông thì Đức Lý đã kiêm nhiệm từ trước, dùng cơ bút để điều khiển công việc hữu hình và Ngài Phối Sư Thượng Tương Thanh phải nhờ Đức Lý Giáo Tông thăng thưởng mới lên được chức quyền Đầu Sư. Nay Đại Hội cử Ngài làm Giáo Tông chánh vị thì Đức Lý có còn kiêm nhiệm quyền hành Giáo Tông nữa không ? Chỉ có một ngài Giáo Tông theo Pháp Chánh Truyền ấn định, mà có đến hai vị ở vào tư thế phải tranh quyền với nhau. Đây là chỗ khó xử của Ngài Thượng Tương Thanh. Còn như phải loại trừ hay chối bỏ Đức Lý ra

khỏi vị trí kiêm nhiệm quyền hành Giáo Tông thì kẻ Tiên người tục làm sao Đại Hội dám nói điều ấy?

Sau đó một thời gian Ngài tự xưng rằng Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch và Nguyễn Ngọc Tương là một, nghĩa là hồn Lý Thái Bạch ngự nơi xác Nguyễn Ngọc Tương. Trong nhiều văn kiện chính thức giáo quyền chi phái Bến Tre gọi Ngài Thượng Tương Thanh là Đức Lý Giáo Tông. Cách xưng danh thần bí này nghịch hẳn với lời Thánh giáo của Đức Lý Thái Bạch giảng cơ tại Tòa Thánh Tây Ninh ngày 19-3-1928 xác định rằng chẳng hề ở thế này có hai Thái Bạch :

" Lão tướng cũng nên cắt nghĩa phẩm vị của chư hiền hữu. Tỷ như ngôi của Thượng Đầu Sư, Ngọc Đầu sư, Thái Đầu Sư, Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh hay là Giáo Tông của Lão đi nữa, dầu ngày sau có nhượng cho ai thì họ ngồi ở địa vị của mình chớ chẳng hề ở thế này có hai Thái Bạch, hai Thượng Trung Nhật, hai Ngọc Lịch Nguyệt, hai Thái Nương Tinh, hai Hộ Pháp hai Thượng Phẩm, hai Thượng Sanh bao giờ. Hiểu à !"

Chỉ có một thi hào Lý Thái Bạch sinh ra và chết đi đời nhà Đường bên Tàu. Còn lại chơn linh Đức Lý Thái Bạch là phần trọn lành nơi cõi hư linh hiện đang kiêm nhiệm quyền hành Giáo Tông Đạo Cao Đài, đang phò trợ, điều khiển Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh. Người thay mặt cho Đức Lý Giáo Tông về phần xác là Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật. Thượng Trung Nhật là Thượng Trung Nhật, không thể tự mình đồng hóa với Lý Thái Bạch được, điều đó Đức Lý

cũng cần dẫn rõ ràng nơi Đạo Nghị Định thứ 8 ngày 25-8-1934 :

" Thượng Trung Nhật hiền hữu phải để ý rằng, quyền hành của hiền hữu riêng với phần của Lão nên Đạo Nghị Định phải lập riêng ra nghe".

Tính đối kháng trong hai quan niệm về quyền hành Giáo Tông là trở ngại chính khiến cho những nỗ lực nhằm thống nhất các chi phái không thành công được. Nó là hậu quả tất nhiên của tình trạng cơ bút sử dụng tự do, quá dễ dãi, đức tin thiếu phân biệt của lý trí bất chấp lời cảnh giác của Đức Chí Tôn từ buổi ban sơ về sự phân biệt giả chơn đối với thân quyền.

Sự đối kháng này nếu không giải tỏa được trong lòng người thì các hình tượng qui nhất chi phái Cao Đài chỉ là sự xoa dịu tâm lý nhơn sanh mà thôi. Làm sao có được một tổ chức nhân sự hữu hình thống nhất khi mà quyền lực lãnh đạo tối cao là Giáo Tông được hiểu theo quan niệm phát triển theo chiều hướng ly tán, không chịu tập trung làm một.

Tinh thần và hình thể tương liên mật thiết với nhau như bóng với hình, pháp luật tượng trưng cho tinh thần, tổ chức nhân sự tượng trưng cho hình thể. Quan niệm về quyền hành Giáo Tông thuộc về tinh thần được hiểu theo chiều ly tán trong khi đó lại muốn có một tổ chức nhân sự thống nhất thì quả thật là điều nghịch lý.

AI LÀ HỘ PHÁP ĐẠO CAO ĐÀI

Trong tổ chức Đạo Cao Đài quan niệm về quyền lực được chia ra như sau :

- Bát Quái Đài là quyền lực của thế giới vô hình, tác động trên đời sống của tất cả mọi sinh hoạt hữu hình. Bát Quái Đài do Đức Chí Tôn điều khiển, dưới quyền Đức Chí Tôn có chư Thần Thánh Tiên Phật và các đẳng cấp chơn linh.

Bát Quái Đài tượng trưng cho phần hồn của tôn giáo.

- Hiệp Thiên Đài là nơi Đức Chí Tôn ngự để ban truyền những mệnh lệnh điều khiển nền Đạo, những lời giáo huấn để thức tỉnh chúng sanh, truyền bí pháp để huân nguyên chơn thần cho người tu đắc đạo. Đức Chí Tôn ngự qua hình thức thông công bằng cơ bút và những hình thức mặc khải cá nhân.

Hiệp Thiên Đài dưới quyền chưởng quản của Hộ Pháp.

Hiệp Thiên Đài tượng trưng cho phần chơn thần của tôn giáo.

- Cửu Trùng Đài là cơ quan truyền giáo và là quyền lực để tổ chức mọi sinh hoạt của đời sống tín đồ thành một cộng đồng tín ngưỡng, thể hiện cho được nhân sinh quan trong triết lý Cao Đài giáo đối với từng cá nhân và cộng đồng.

Cửu Trùng Đài dưới quyền chưởng quản của Giáo Tông.

Cửu Trùng Đài tượng trưng cho phần xác của tôn giáo.

Tuy quyền lực được chia ra làm ba phần như vậy nhưng về phương diện tổ chức nhân sự Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ gồm có hai phần hữu hình là Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài.

Hộ Pháp là người đứng đầu Hiệp Thiên Đài, bên cạnh có Thượng Phẩm và Thượng Sanh. Sinh hoạt Hiệp Thiên Đài chia ra làm ba chi : chi Đạo, chi Pháp, chi Thế.

- _ Chi Đạo thuộc Thượng Phẩm.
- _ Chi Pháp thuộc Hộ Pháp.
- _ Chi Thế thuộc Thượng Sanh.

Riêng phần Hộ Pháp chịu trách nhiệm tổng quát điều khiển cả Hiệp Thiên Đài.

Nói tóm tắt quyền hạn, trách nhiệm của Hộ Pháp như sau :

- _ Điều khiển tổng quát Hiệp Thiên Đài và chi Pháp.
- _ Thông công với Bát Quái Đài.
- _ Bảo hộ luật pháp của Đạo.

1/- Nghi Lễ Thiên phong Hộ Pháp :

Vị Hộ Pháp trong Đạo Cao Đài là Ngài Phạm Công Tắc, người thủ vai đồng tử thông công quan trọng bậc nhất trong số đồng tử được Đức Chí Tôn sử dụng từ những ngày đầu của lịch sử Đạo.

Nghi lễ Thiên phong dành cho Ngài là một cuộc hành pháp huyền linh. Đức Chí Tôn trực chơn thần Phạm

Công Tắc ra khỏi thân xác để chơn linh Hộ Pháp giảng ngữ và Ngài Phạm Công Tắc trở thành Hộ Pháp. Đây là trường hợp giảng linh ngữ thể, nó có ý nghĩa như một cuộc lễ điểm Đạo, đã diễn ra vào tháng 4-1926 tại tư gia của Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung ở Sài Gòn. Ngôi nhà này được sử dụng như một Thánh Thất tạm, là một trong những địa điểm mà các vị tiền bối thường hay tụ họp lại để cầu cơ.

2/- Vài nét về tiểu sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc :

- Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc sinh năm 1890 tại Tân An, trong một gia đình theo Đạo Thiên Chúa, nguyên quán tại Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
- Ngài là người có tinh thần cách mạng, năm 17 tuổi khi còn học tại trường Chasseloup Laubat Sài Gòn đã tham gia phong trào Đông Du bí mật đưa người sang Nhật.
- Năm 20 tuổi ra đời làm công chức tại Sài Gòn và lập gia đình.
- Từ năm 1925 Ngài tham gia phong trào xây bàn cầu cơ.
- Năm 1926 được Đức Chí Tôn phong làm Hộ Pháp Đạo Cao Đài.
- Năm 1935 Đại Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh ủy nhiệm Ngài cầm quyền thống nhất chương quản Hiệp Thiên và Cửu Trùng Đài.
- Năm 1941 bị Pháp bắt đày đi Madagasca.
- Năm 1946 trở về Việt Nam.

- Năm 1956 Ngài lưu vong sang Miền quốc và đăng tiên tại nước này vào năm 1959 .
- Hưởng thọ 70 tuổi.

3/- Bàn Thờ Hộ Pháp :

Trong các nghi thức thờ phượng tại các ngôi chùa Phật giáo thường có đặt tượng của vị Hộ Pháp ngay cửa chánh bước vào nội điện. Đạo Cao Đài chủ trương qui Tam Giáo (Phật, Lão, Khổng) nên cũng dùng nghi thức cũ của Tam Giáo sửa đổi đôi chút cho phù hợp với triết lý của Tam Kỳ Phổ Độ.

Đức Chí Tôn có dạy về tượng Hộ Pháp như sau, trong đàn cơ ngày 18-9 năm Bính Dần tại chùa Phước Linh Tự Sài Gòn.

"...Còn như Hộ Pháp đã xuống trần rồi còn thờ chi nữa nên các con nên lập ra ba bài vị đề :

- _ Hộ Pháp.*
- _ Thượng Phẩm bên hữu.*
- _ Thượng Sanh bên tả". (TNHT)*

Tại các Thánh Thất Cao Đài ở địa phương bàn thờ Hộ Pháp được đặt ngay cửa chánh bước vào nội điện. Trên bàn Hộ Pháp có thờ chữ KHÍ. Nguồn gốc chữ này do Đức Lý Thái Bạch giảng cơ vẽ ra làm mẫu. Xin trích một đoạn Thánh giáo ngày 9-11- Bính Dần (13-10-1926) trong quyển Đạo Sử của bà Hương Hiếu nói về chữ KHÍ này :

"... Thánh Thất đã an, chư hiền hữu phải chỉnh nghi cho tinh tấn. Thầy dạy Thượng Trung Nhật hiền hữu lo sắp đặt cho ra nghi tiết, thì sắp đặt sau lưng bàn Hộ Pháp phải để một miếng vải nỉ dài một thước rưỡi, cao ba thước thêu chữ bùa Lão vẽ đây (chữ KHÍ)..."

4/- Ngai Hộ Pháp :

Nghi thức thờ phượng tại các Thánh Thất địa phương đơn giản hơn ở Đền Thánh trung ương. Tại Đền Thánh phía trước tượng chữ KHÍ có đặt ngai Hộ Pháp với hình con rắn bảy đầu tượng trưng cho thất tình của con người. Hai bên tả hữu là ngai của Thượng Sanh và Thượng Phẩm xếp thành một hàng ngang. Khi còn sanh tiền ba vị chức sắc này phải ngự trên ngai của mình mỗi khi cúng đàn. Sau khi các Ngài qui thiên Hội Thánh cho đúc tượng bằng xi măng của ba vị, Phạm Hộ Pháp, Cao Thượng Phẩm, Cao Thượng Sanh đứng trên ngai làm thể pháp mang ý nghĩa là tuy các Ngài đã về thiên liêng vị, các Ngài vẫn chịu trách nhiệm điều khiển Hiệp Thiên Đài, đầu ngày sau có ai kế vị thì cũng chỉ là người thay mặt các Ngài mà thôi. Người kế vị không thể lên ngai ấy được.

Xin lưu ý trong hệ thống tổ chức nguyên thủy Đạo Cao Đài chỉ có một nơi duy nhất là ngôi Đền Thánh trung ương Tại Tòa Thánh Tây Ninh mới có ngai Hộ Pháp, còn các Thánh Thất địa phương chỉ có bàn thờ Hộ Pháp với chữ KHÍ mà thôi.

5/- Các vị Hộ Pháp ở chi phái :

Tương tự như trường hợp ngôi Giáo Tông, các vị Hộ Pháp ở chi phái về phương diện luật pháp vẫn bị coi là ngoài Pháp Chánh Truyền. Lý do rất đơn giản, khi mới thành lập Đạo Cao Đài Đức Chí Tôn đã định con số chức sắc cầm quyền Hiệp Thiên Đài là :

- 1 Hộ Pháp.
- 1 Thượng Phẩm.
- 1 Thượng Sanh.
- 12 Thời Quân.

Nếu vì lý do gì tổ chức Hội Thánh Cao Đài bị biến tướng chia ra thành nhiều chi phái, mỗi chi có quyền có một Hộ Pháp riêng và Đạo Cao Đài được quan niệm là tổng hợp của tất cả các chi phái kể cả Tòa Thánh Tây Ninh (bị coi là một chi) thì con số Hộ Pháp trong Đạo Cao Đài không phải một vị mà là nhiều vị.

Từ nguyên thủy Đức Chí Tôn định chỉ có một Hộ Pháp cầm quyền Đạo, nay chúng ta sửa lại thành nhiều Hộ Pháp cầm quyền, với quan niệm ấy chúng ta đã tổ chức nền Đạo sai Thánh ý Đức Chí Tôn.

Vì vậy chi phái có một vị trí đứng riêng là ngoài Pháp Chánh Truyền. Đó là xét về phương diện pháp luật, tổ chức, còn công đức bất cứ ai đều dẫn khối nhưn sanh trở nên hiền cũng là người có công đức lớn.

NGÔI GIÁO CHỦ ĐẠO CAO ĐÀI

I) GIÁO CHỦ LÀ GÌ ?

Nói một cách tổng quát Giáo Chủ là người làm chủ một nền Đạo, một tôn giáo, một môn phái tín ngưỡng. Các tổ chức đạo giáo ấy dù đơn sơ hay qui mô, số tín đồ đông hay ít, vai trò của người đứng đầu là Giáo Chủ.

Như vậy người đầu tiên sáng lập ra một đạo giáo đương nhiên là giáo chủ. Sau khi vị sáng lập qua đời, quyền lãnh đạo tối cao của tổ chức được trao lại cho các đệ nhất cao đồ trong các thế hệ kế tiếp. Các vị đệ nhất cao đồ này cũng có thể xưng là giáo chủ hoặc chọn danh xưng khác nhưng trên thực tế vẫn là người nắm giữ quyền hành tối cao của tổ chức đạo giáo ấy về phương diện hữu hình.

Tóm lại danh từ giáo chủ được sử dụng tùy theo sáng kiến về quan niệm tổ chức của mỗi đạo giáo không giống nhau và cũng không có qui luật nào buộc các tổ chức đạo giáo mới phải tuân theo cách xưng hô của các tổ chức đạo giáo đã có từ trước.

II)- AI SÁNG LẬP ĐẠO CAO ĐÀI ?

Đức Chí Tôn và các Đấng trọn lành dùng huyền diệu cơ bút qua trung gian của chơn thần đồng tử viết ra Thánh giáo dạy lập Đạo Cao Đài. Danh xưng của quyền lực vô hình này có tư cách hoàn toàn khác hẳn với một con người phàm trần. Đó là vị Thầy nơi cõi thiêng liêng, còn người nhận mệnh lệnh lập Đạo, truyền giáo chỉ là đệ tử

mang xác phàm, có thể bị truất bỏ ngôi vị đệ nhất cao đồ nếu vì lẽ gì không thực hiện được mệnh lệnh của vị Thầy đã phán dạy.

Vì vậy nguồn gốc sáng lập Đạo Cao Đài có hai phần :

- Phần vô hình do quyền Thiêng Liêng điều khiển.
- Phần hữu hình do ngôn ngữ đồng tử, tức là một người mang xác phàm, diễn tả Thánh ý và hành động của người được chỉ định thi hành Thánh ý ấy.

Hai phần này hợp nhất với nhau đã lập nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ còn gọi là Đạo Cao Đài. Vì vậy không một cá nhân con người nào có đủ tư cách nói rằng mình là người sáng lập ra Đạo Cao Đài với trọn vẹn ý nghĩa của hai tiếng sáng lập.

III)- AI LÀ GIÁO CHỦ ĐẠO CAO ĐÀI ?

Trong lịch sử Đạo Cao Đài có hai người xưng Giáo Chủ là Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Ngài Ngô Văn Chiêu.

1/- Trường hợp của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

Đồng tử thông công viết ra Thánh giáo dùng trong Đạo Cao Đài do nhiều người thực hiện nhưng huyền diệu hơn hết là Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, điều đó ai cũng biết khi xem Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc thi hành Thánh ý Đức Chí Tôn hiệp cùng các vị tiền bối khác lập ra Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,

Tòa Thánh đặt tại Tây Ninh. Trong tổ chức Đạo Cao Đài, người cầm quyền lớn nhất về phương diện hành chánh là Giáo Tông, về luật lệ là Hộ Pháp. Quyền của Giáo Tông và Hộ Pháp hiệp một gọi là quyền Chí Tôn tại thế.

Đức Chí Tôn dạy :

" Thầy đã ban quyền hành Chí Tôn của Thầy cho hai đứa làm đầu Hội Thánh là Giáo Tông cùng Hộ Pháp. Vậy thì quyền hành Chí Tôn của Thầy đặt trọn vẹn khi Giáo Tông cùng Hộ Pháp hiệp một "

(TNHT. TG. 23-12-1931)

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc có xưng danh giáo chủ Đạo Cao Đài (Supérieur du Caodaisme) khi giao tiếp với quốc tế bởi hai lý do chính sau đây :

Ngài được Đức Chí Tôn phong Hộ Giá Tiên Đồng tá cơ Đạo Sĩ (TNHT.TG.25-4-1926) và được Đức Chí Tôn trực xuất chơn thần Ngài để chơn linh Hộ Pháp giáng linh ngự thể, chứng cho chư vị Thiên phong lập thế (TNHT. TG.22-23/4/1926). Ngài cũng là một vị phò cơ phong Thánh và lập giáo cùng với Đức Cao Thượng Phẩm. Nhưng nếu bình tâm nhận xét, chỉ có Ngài là người thủ vai chính cầm cây bút thiêng liêng cho Đức Chí Tôn và các Đấng lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, còn các vị đồng tử khác là thứ yếu.

Lập giáo kỳ ba này Đức Chí Tôn có dạy :

" Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rồi các con, chẳng chịu giao chánh giáo cho tay phàm nữa "

Thế nhưng tại sao Đức Hộ Pháp đã hiểu như vậy, mà Ngài tự xưng mình là giáo chủ Đạo Cao Đài ? Danh xưng này xuất hiện từ ngày Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt đăng tiên, Đại Hội Nhơn sanh bất thường tại Tòa Thánh ngày 8-11-1935 và Đại Hội Hội Thánh thường niên ngày 17-10- Ất Hợi, toàn đại hội đồng thanh tín nhiệm Đức Hộ Pháp cầm quyền thống nhất Chánh Trị Đạo cho đến ngày có Đầu Sư chánh vị. Đạo luật năm Mậu Dần 1938, toàn Đạo nam nữ cũng đồng tín nhiệm Ngài một lần nữa. Như thế là Ngài đương nhiên nắm quyền chưởng quản nhị hữu hình đài, tức là nắm quyền Chí Tôn hữu hình tại thế trong phạm vi Đạo Cao Đài về phương diện luật pháp Đạo.

Ngày nào có Đầu Sư chánh vị đương nhiên Đức Hộ Pháp không còn cầm quyền thống nhất nhị hữu hình đài nữa. Thế nhưng cho đến khi Ngài qui thiên vào năm 1959, Cửu Trùng Đài vẫn chưa có Đầu Sư chánh vị và chúng ta xem đó là sự hiển lộ của thiên thư tiền định hay là định mệnh của cuộc đời Ngài buộc Ngài phải gánh vác thêm trọng trách như vậy, trọng trách thay quyền Đức Chí Tôn tại thế chớ không phải chỉ đơn thuần là Hộ Pháp Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài. Định mệnh ấy như chúng ta sẽ thấy qua lời thuật của Ngài trong lần thuyết đạo ngày 1-7- Giáp Ngọ 1954 :

" Đức Chí Tôn đến dạy Bàn Đạo lúc nọ, đức tin của Bàn Đạo chưa có gì hết. Không biết Ông tạo nền chơn giáo như thế nào mà ông biểu Bàn Đạo đem dâng cả thi hài, trí não hồn phách cho ông lập Đạo. Bàn Đạo không tin không nói, không trả lời một cách nào quá đáng. Bàn Đạo trả lời :

_ Thưa Thầy cảm tưởng của con biết con và con biết Đạo, Thầy biểu con làm phận sự bắt chước Đức Phật Thích Ca, Đức Lão Tử, Đức Khổng Phu Tử hay là Đức Chúa Jêsus Christ thì con không làm đặng, con chỉ biết con là Tắc đây thôi.

Ông đáp :

Tắc, thoảng như Thầy lấy tánh đức của con để lập giáo con mới nghĩ sao ?

Bần Đạo hết đường trả lời ".

Như vậy là Đức Chí Tôn mượn cả hồn xác của Ngài thay cho Đức Chí Tôn về mặt hữu hình để cầm giềng mối Đạo, cũng như Đức Lý Đại Tiên mượn Ngài Thượng Trung Nhựt làm Quyền Giáo Tông thay mặt cho Ngài về phần hữu hình vậy.

Thế nhưng Ngài đã làm gì với quyền lãnh đạo tối cao ấy khi xưng mình là Giáo Chủ ? Trong lời thuyết đạo đêm rằm tháng 11 Kỷ Sửu (1949) Ngài đã nói rõ như sau :

" Bần Đạo dám tự xưng là Giáo Chủ, vị giáo chủ tức nhiên là người thay thế hình ảnh cho Đức Chí Tôn đặng làm chúa phần hồn toàn mặt địa cầu này. Nhưng Bần Đạo chỉ biết làm phận sự, làm tôi cho con cái Đức Chí Tôn, thay thế hình ảnh của Ngài đặng làm bạn , làm anh em với con cái của Ngài nơi mặt địa cầu này mà thôi, chớ chưa hề biết làm chủ. Cả Hội Thánh cũng vậy, chỉ làm bạn, làm anh em đìu dắt con cái Ngài về phần hồn đặng đoạt cơ giải thoát mà thôi ".

Nói tóm lại hai tiếng giáo chủ chỉ là danh xưng như trăm ngàn danh xưng khác nơi mặt thế này, hành tàng của Đức Ngài mới là thiết tướng.

2/- Trường hợp của Đức Ngài Ngô Văn Chiêu.

Ngài Ngô Văn Chiêu được Đức Chí Tôn dùng huyền diệu thu phục và độ rỗi trước tiên nhưng về sau không chịu đứng chung trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khi tổ chức tôn giáo này thành hình. Ngài chuyên chú về khoa tịnh luyện, thiền định và truyền bá pháp môn này cho những người tin theo. Ngài đứng đầu phái Cao Đài Chiếu Minh, liễu đạo năm 1932.

Hai năm sau khi Ngài mất, năm 1934, qua cơ bút do đồng tử thuộc môn phái của Ngài thông công Ngài được chứng đắc :

" Ngôi giáo chủ phục vị ngôi Hai "

(Lịch sử quan phủ Ngô Văn Chiêu. Ấn bản 1962. Trang 99)

Đến năm 1936 đồng tử Liên Hoa thông công viết quyển Đại Thừa Chơn Giáo Đức Chí Tôn giáng cơ dạy đạo xưng là Cao Đài giáo chủ, còn ngài Ngô Văn Chiêu là ngôi Hai giáng thế là người thay mặt cho Cao Đài giáo chủ để truyền pháp cho chúng sanh.

"...Nhưng Thầy cũng phải chịu nhọc giáng thế tạm mượn xác phàm Ngô Văn Chiêu đặng Thầy đem cái chơn pháp tâm truyền ma trao lại cho các con giữ gìn, hầu có trao cho người thiện căn hữu phước".

(ĐTCG. TG. 8-11-1936)

Năm 1950 quyển Đại Thừa chơn giáo bản in sang ngữ Pháp Việt, nơi trang bìa dưới chơn dung Ngài có ghi :

" Chơn dung Đức ngô Văn Chiêu giáo chủ Đạo Cao Đài.
Portrait de Maitre Ngô Văn Chiêu
Créateur du Caodaisme".

Cho tới nay không thấy sử liệu nào chứng minh rằng ngài Ngô Văn Chiêu có xưng danh giáo chủ Đạo Cao Đài trong lúc còn sanh tiền. Nhưng sau khi Ngài liểu đạo trong hệ tư tưởng của phái Cao Đài Chiếu Minh danh xưng giáo chủ Đạo Cao Đài có hai xu hướng :

- Xu hướng thứ nhất : Cao Đài giáo chủ là Đức Chí Tôn vô hình.
- Xu hướng thứ hai : Ngài ngô Văn Chiêu là giáo chủ.

Như vậy trong lịch sử Đạo cao Đài có hai trường hợp xưng giáo chủ.

- Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc chính thức xưng danh giáo chủ Đạo Cao Đài trong giai đoạn Ngài cầm quyền thống nhất Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, nghĩa là khi Ngài còn sanh tiền, danh xưng giáo chủ này dịch ra Pháp văn : **Supérieur du Caodaisme.**
- Ngài Ngô Văn Chiêu qua cơ bút trong môn phái của Ngài được tôn vinh lên làm giáo chủ Đạo cao Đài sau khi Ngài đã qui thiên và các môn đệ của Ngài đã dịch danh xưng giáo chủ này ra Pháp văn là : **Créateur du Caodaisme.**

TẠI SAO CHI PHÁI THÀNH HÌNH THIÊN CƠ HAY PHẠM Ý

D)- NGUYỄN NHÂN CHIA CHI PHÁI.

Nếu bảo rằng tiêu chuẩn lập pháp của Đạo cao Đài là qui nguyên Tam Giáo, phục nhứt ngũ chi, nghĩa là tuyển lọc lại tinh hoa của các giáo thuyết cổ kim, tổng hợp thành một nền tôn giáo, có khả năng làm nơi trung gian cho tư tưởng nhân loại hiệp đồng thì tại sao trong hình thức tổ chức Đạo Cao Đài lại có sự chia rẽ thành nhiều chi phái và người làm như vậy lại tin rằng mình làm đúng Thiên ý ? Tại sao có sự mâu thuẫn giữa triết lý và hành động như thế ?

Các thế hệ kế tiếp nghĩ thế nào về các bậc tiền bối khai đạo khi đọc lại lời Thánh giáo của Đức Chí Tôn ngày 24-4-1926 :

" Vốn từ trước Thầy lập ra Ngũ chi đại đạo là Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo. Tùy theo phong hóa của nhơn loại mà gây chánh giáo là vì khi trước Càn vô đức khán, Khôn vô đức duyệt thì nhơn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi, còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng Càn Khôn dĩ tận thức thì lại bị phần nhiều Đạo ấy mà nhơn loại nghịch lẫn nhau nên Thầy mới nhứt định qui nguyên phục nhứt".

Và lời dặn của Ngài :

"... Thầy lại qui Tam Giáo, lập Tân Luật trong rằm tháng mười (15-10 Bính Dần) có Đại Hội Tam Giáo nơi Thánh Thất... Sự tế tự sửa theo " Tam Kỳ Phổ Độ " cũng nơi ấy mà xuất hiện ra..." (TNHT. TG. 18-9-1926)

Cả triết lý Ngũ chi, cả lễ nghi tế tự của Tam giáo đều hội tụ trong Tam Kỳ Phổ Độ đã cung ứng cho nền tôn giáo này một tính chất dung hòa, tổng hợp được những khác biệt về tâm lý như sanh trong tín ngưỡng. Cả hình thức lẫn nội dung đều mang tính hội tụ và Đức Chí Tôn đã ban hành một mệnh lệnh gom góp tất cả các môn đồ Ngài đã độ rồi, rải rác từ trước ở nhiều nơi trong thời kỳ tiền Khai Đạo để lập thành Hội Thánh và ban quyền hành cho chức sắc thiên phong để có phương tiện phổ độ như sanh. Thế nhưng tại sao chức sắc thiên phong lại không tiếp tục hội tụ như buổi ban đầu mà lại ly tán sau đó ? Cả triết lý Ngài đã giảng dạy, cả hành vi Ngài đã điều khiển Hội Thánh đều thể hiện tinh thần qui nguyên phục nhưt các tín ngưỡng, thế tại sao chức sắc không đi trọn con đường đoàn kết thống nhất anh trước em sau mà dặt nhau đến nơi bồng đảo y như lời Thánh giáo của Đức Chí Tôn ngày 24-4-1926.

Và sự phân chia quyền lực, tình cảnh này lại được Đức Chí Tôn tiên tri từ trước, từ khi chưa lập thành hình thể Hội Thánh, chớ không phải là một sự ngẫu nhiên.

*" Đã thấy ven mây lối mặt dương,
Cùng nhau xúm xít dẫn lên đường.
Đạo cao phó có tay cao độ,
Gần gũi sau ra vạn dặm trường".*

(TNHT. TG. 20-2-1926)

Ngài đã tiên tri quá rõ ràng, trước gần gũi, xúm xít bên nhau, sau ra vạn dặm trường xa cách và qua 50 năm lịch sử truyền giáo mọi việc hữu hình đã xảy ra y như vậy.

Bây giờ nhìn lại lịch sử Đạo với nạn phân chia chi phái vẫn còn tiếp diễn không ai khỏi đau lòng tự hỏi tại sao phải có cảnh tình dẫu bể này, để bắt con người vốn quen suy nghĩ hành động trong vòng nhị nguyên đối tính phải vô cùng khó xử, khi chơn thần phải đối diện trước quyền năng thiêng liêng của các Đấng trọn lành. Vừa mang mảnh phàm thân với cấu tạo đủ các tầng khí thể, điển quang của lục đục thất tình, vừa mang trọng trách của một Thiên phong điều dưỡng sanh chúng, giác ngộ với đầy đủ huyền linh do Đức Chí Tôn ban cho trong Tam Kỳ Phổ Độ, người chức sắc phải hành động sao đây trước cảnh tình ngang trái, chia phe phân phái mối Đạo Trời mà mọi người đều biết bởi lý trí rõ ràng rằng Đạo Thầy duy có một, chỉ có một Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay là một Đạo Cao Đài do Thượng Đế sáng lập bị con người làm biến tướng ra nhiều hệ phái. Không có nhiều Thượng Đế khác nhau, dạy truyền nhiều Thánh giáo đối nghịch, sáng tạo ra nhiều biến tướng, nhiều phe phái cộng chung các biến tướng ấy lại mới gọi là chánh pháp Cao Đài. Ấy là lời nói ngược chiều, là lý lẽ của trần gian để bênh vực cho những khuyết điểm của trần gian khi phải đối diện trước khối thánh chất trọn lành của Đại Từ Phụ. Ấy là lý lẽ của chơn thần chịu theo hạ trí để bênh vực cho cái lý nhị nguyên của con người, trước sự phán xét của chơn linh vốn mang tính trọn lành từ nguyên thủy.

Những nguyên nhân gây nên tình trạng biến tướng này có ba loại chính :

- Nguyên nhân ở đức tin thần quyền.
- Nguyên nhân do chính trị xã hội.
- Nguyên nhân từ phạm ngã cá nhân người hành đạo.

1/- Nguyên nhân ở đức tin thần quyền.

Chính trị xã hội dù có phản khắc Đạo quyền đến đâu với thời gian cũng sẽ thay đổi định chế vì đó là luật tấn hóa, với không gian mở rộng trên đường truyền giáo ắt phải có vùng đất này khác vùng đất kia trên mặt địa cầu do văn hóa bất đồng giữa các sắc dân.

Phạm ngã cá nhân dù có tối tăm mê muội đến đâu cũng có ngày trở nên thức tỉnh sáng suốt, bởi lẽ mỗi người chúng ta ai cũng có lương tâm vi chủ để dạy dỗ xác phạm sống nên chí thánh.

Thế nhưng đức tin ở thần quyền, một khi đã đặt vào một hướng nào rồi rất khó thay đổi. Chính Đức Thất Nương Diêu Trì Cung đã than :

" Chớ chi thất tại tà quyền thì có mấy em trừ khử, nhưng tại nơi đồng tử thì mấy em không phương giải nạn cho mấy người mê tín".

(TNHT.TG. 9-4-Giáp Tuất- 1934)

Bàn về những nguyên nhân ở đức tin thần quyền đưa tới tình trạng chia chi phái, thì phải xét đến tận gốc nguyên lý của phép thông công " Trời người hiệp nhất " mà trong mục đầu tiên của tập nhận định này có đề cập đến, nên không phải nhắc lại nhiều lần duy cần lưu ý đến các chi tiết sau đây :

Khi một đồng tử thực hiện cuộc thông công với thế giới vô hình, để truyền đạt Thánh giáo cho người tham dự hay chỉ để hiểu biết cho riêng mình, nguồn gốc cung ứng tư tưởng cho chơn thần đồng tử có thể đến từ những xuất phát sau đây :

- Từ quyền năng của Đức Chí Tôn và các chơn linh Thần, Thánh, Tiên, Phật thật sự.
- Từ các vong linh xấu mạo nhận danh nghĩa Thượng Đế và Thần, Thánh, Tiên, Phật.
- Từ nội tâm của chính đồng tử tự kỷ ám thị.
- Từ tâm, thần của người hầu đàn đang có mặt tham dự cuộc thông công.
- Từ những tư duy, tín ngưỡng lâu đời của khối quần chúng đã thả ra trong không gian những dòng tư tưởng bàng bạc.

Mở ra một cuộc thông công là chấp nhận một chơn bốn giả, tỉ lệ xác suất về nguồn gốc chơn thật là một trên năm. Đức Chí Tôn đã xác nhận.

" Thầy nói cho các con hiểu trước rằng cả môn đệ Thầy đã lựa chọn, lọc lựa còn lối nửa phần, vì Thầy cho yêu quái lấy danh Thầy mà cám dỗ ".(TNHT.TG.7-8-1926)

Dù cho có loại trừ được bốn nguyên nhân xuất phát không chơn thật kia và đang giao cảm với Thần, Thánh thật

sự, Thánh ý của các Đấng ấy vẫn phải được đồng tử diễn tả lại bằng ngôn từ hay chữ viết, tức nhiên ít nhiều gì cũng phải mang tính người trộn lẫn vào trong đó.

Và chính phần của con người dự vào trong cơ bút đã làm sai lạc Thánh ý của Đức Chí Tôn dẫn dắt đức tin của nhơn sanh rẽ lối, làm biến tướng hình thể Đạo Cao Đài. Đồng tử cũng như cái máy thông ngôn để các Đấng thiêng liêng sử dụng, máy tốt dịch đúng nhiều sai ít, máy xấu dịch sai nhiều đúng ít, người nghe tin vào chỗ dịch sai này sẽ hành động trái với Thánh ý nhưng họ vẫn tin rằng mình làm như vậy là đúng.

Chơn pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã bị nhơn sanh hiểu sai lạc ở nhiều điểm do cơ bút tác động vẫn có xảy ra trong 50 năm qua không thể chối cãi được và trong lãnh vực đức tin này, không ai có quyền bắt buộc kẻ khác phải tin theo mình. Vì vậy chúng ta có thể nói rằng chân lý đi từ thấp đến cao, lý lẽ để con người giác ngộ chân lý không đồng đẳng cấp thì tất nhiên hành động phải sai biệt. Người chủ trương chia chi phái đã làm biến tướng nền Đạo Cao Đài theo chiều hướng phân hóa, vẫn sống một cách chân thành ung dung với niềm tin rằng làm như thế là đúng với chân lý. Vẫn ăn chay làm lành, thờ phượng Thượng Đế có gì sai đâu ? Dù có chia ra một ngàn phái vẫn tu kia mà !

Vâng, chúng ta hãy trở lại lời dạy ban đầu của Đức Chí Tôn trước khi lập giáo Tam Kỳ Phổ Độ. Ngài khẳng định rằng chính Ngài đã lập nên Ngũ Chi Đại Đạo qua tinh thần những vị giáo chủ giáng trần, và sở dĩ có sự khác biệt giữa các chi là để đáp ứng nhu cầu dân trí khác nhau giữa các tư phương. Khi nhơn loại đã tiến tới đời sống sinh hoạt

thông đồng với nhau trên toàn cầu thì những va chạm về tư tưởng giữa các giáo thuyết khiến nhờn loại nghịch lẫn nhau.

Ngày nay Đức Chí Tôn dùng huyền diệu cơ bút mở Tam Kỳ Phổ Độ để qui nguyên phục nhứt các đường lối tu hành đã có từ trước trong Ngũ Chi Đại Đạo.

"... Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rồi các con chẳng chịu giao chánh giáo cho tay phàm nữa, nhưng mà buộc phải lập chánh thể có lớn nhỏ để dễ thế cho các con dìu dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo".

(TNHT. TG. 24-4-1926)

Xem thế thì chánh thể của Thầy đã lập ra nhằm qui nguyên phục nhứt các tín ngưỡng để anh trước em sau, dắt nhau đến nơi Bồng Đảo tức là tạo một khối đoàn kết thương yêu, cùng chung một đức tin, chớ nào phải nhiều chi, nhiều phái rời rạc riêng lẻ, phân tán.

Khi Galiléo bảo rằng quả đất tròn và quay xung quanh mặt trời, có những người ở đầu thế kỷ 17 nhận thức chân lý qua cái thấy của con mắt, chưa có óc khoa học suy luận vẫn tin rằng mặt trời mọc ở phương đông di chuyển và lặn ở phương tây, mặt đất đứng yên. Đối với họ, Galiléo sai, họ đúng. Và đó cũng là chân lý, chân lý của giác quan mà nhân loại đã sống với đức tin như vậy qua nhiều thế kỷ, cho đến khi Galiléo khám phá được những sai lầm của quan niệm cũ và đưa ra thuyết mới trái ngược nhưng chính xác hơn. Chân lý đi từ thấp đến cao là vậy. Phạm vi tín ngưỡng cũng tương tự. Khi người ta đã tin tưởng nhờ vào một lý giải hay cảm giác nào đó thì chân lý không thể thấy

xa hơn lý giải ấy được, cho đến khi có một biến cố nào đó thật mạnh đánh thức chơn thần, làm thay đổi tư duy và do đó đức tin cũng mở rộng, sâu hơn trong cả hai chiều hướng nội và hướng ngoại. Con đường học đạo do huyền linh cơ bút hướng dẫn, cũng có trình tự tấn hóa từ thấp đến cao theo thời gian tùy mức độ mở rộng của tâm thức người cầu đạo.

Chúng ta hãy trở lại trường hợp của Ngài Ngô Văn Chiêu, nghiên cứu khía cạnh đức tin trong khúc quanh lịch sử của đời Ngài : Tạ từ ngôi Giáo Tông để tu theo vô vi.

Trong cuộc đời tu học của Ngài ở giai đoạn đầu, Ngài có làm một lễ tạ ơn chư Tiên, Phật dưới hình thức một tiệc rượu sâm banh trên bàn thờ mà nguyên nhân như sau :

(Trích y nguyên văn một đoạn trong quyển " Lịch sử Cao Đài phần vô vi" của tác giả Đồng Tân. Cao Hiền xuất bản năm 1967. Tr 76)

" ... Cho nên khi Ngài tu được vài năm, khoảng 1923 Đức Cao Đài giảng cơ dạy rằng : Chư Tiên, chư Phật nhắc Thầy rằng đệ tử đã đi lạc đường không thể nào đem đệ tử về cứu vị được, Thầy mới nhớ lại và Thầy đã hứa chư Tiên, chư Phật rằng Thầy sẽ đem đệ tử về.

Ngày nay đệ tử gặp dựng chơn truyền cũng nên đền ơn chư Tiên, chư Phật, nếu chư Tiên chư Phật không nhắc thì Thầy đã quên đệ tử rồi "

Ngài bèn bạch rằng :

" Bạch Thầy đệ tử ở chốn phàm trần này thì biết lấy chi đền ơn chư Tiên chư Phật cho xứng đáng, thì đệ tử xin dâng chư Tiên chư Phật một tiệc rượu sâm banh chẳng biết dựng hay không xin Thầy dạy đệ tử rõ "

Đức Thượng Đế trả lời rằng : " tự nơi lòng đệ tử "

Qua hôm sau trên bàn thờ đầy những ly rượu sâm banh, đó là bữa tiệc Ngài đền ơn chư Tiên chư Phật vậy ”.

Thật rõ ràng nguyên nhân có tiệc rượu tạ ơn này là vì Thượng Đế (qua sự thông công của đồng tử mà Ngài tin dùng từ trước) đã quên đưa con Ngôi Hai cho xuống trần mở Đạo Cao Đài, phải nhờ chư Tiên, chư Phật nhắc Thượng Đế mới nhớ lại.

Thượng Đế là Đấng toàn năng, toàn tri, điều khiển sự vận hành của cả càn khôn vũ trụ mà làm việc quên trước quên sau phải có người nhắc mới nhớ được !

Tuy vậy Ngài Ngô Văn Chiêu vẫn tin tưởng vào bài Thánh giáo này và lễ cúng tiệc rượu sâm banh để tạ ơn chư Tiên chư Phật được trình trọng ghi vào lịch sử đời tu của Ngài. Đó là tình trạng đức tin vào cơ bút của Ngài vào khoảng năm 1923. (căn cứ vào bài Thánh giáo do ông Đồng Tân công bố)

Ba năm sau, đầu năm 1926, xảy ra cuộc gặp gỡ giữa Ngài Ngô Văn Chiêu và nhóm đồng tử phò loan Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, đôi bên có sinh hoạt chung với nhau trong một thời gian thật ngắn khoảng ba tháng và Ngài Ngô Văn Chiêu được mọi người trong nhóm coi như là anh cả theo lời dạy của Đức Cao Đài. Tháng 4-1926 qua sự thông công của đồng tử Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Đức Chí Tôn dạy phải chuẩn bị một bộ Thiên phục Giáo Tông cho Ngài Ngô Văn Chiêu và Ngài thắng thắng từ chối vai trò này.

Đức tin của Ngài vào thần quyền cơ bút như thế nào trong thời gian ngắn khoảng ba tháng gặp gỡ này. Chúng ta hãy nghe tác giả Đồng Tân kể lại trong quyển Lịch Sử Cao Đài phần phổ độ, Cao Hiên xuất bản 1972, trang 100 sẽ rõ. Sau khi trích dẫn một đoạn Thánh Ngôn Đức Chí Tôn quở trách đồng tử Phạm Công Tắc.

" ... Khí nộ con xung lên động lung lay Huỳnh Kim Khuyết của Thầy đa ! "

Tác giả Đồng Tân cho biết ông đã tìm đến bà Cao Quỳnh Cư, để hỏi thăm lý do tại sao bị quở như thế và ông đã ghi lại.

" Bà Cao Quỳnh Cư cho biết sở dĩ có bài này vì ông Tắc giận Đức Ngô cho rằng Ngài không tuân mạng lệnh Thầy, hễ đem Thánh giáo cho Ngài xem thì Ngài bảo của hai ông (phò loan : Cư, Tắc) viết ra, đến nỗi ông Tắc nói từ nay ông không làm phò loan nữa "

Đó là tình trạng đức tin vào cơ bút của Ngài Ngô Văn Chiêu vào hai thời điểm 1923 và 1926 :

- Một bên đối với đồng tử riêng của Ngài đã tin dùng từ trước, dù Thượng Đế được đồng tử diễn tả là một Đấng làm việc quên trước quên sau, Ngài vẫn tuân lệnh.
- Một bên đối với nhóm đồng tử Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư mà tư tưởng tu hành đang theo chiều hướng tổ chức thành một tôn giáo qui mô, khác với sinh hoạt tịnh luyện của Ngài. Ngài được dạy chuẩn bị làm Giáo Tông Đạo Cao Đài thì Ngài cho là ý phàm của đồng tử viết ra và cương quyết không tuân lệnh, tách riêng ra

khởi sinh hoạt của nhóm này và phái Cao Đài Chiếu Minh thành hình sau đó.

Quyền tự do tín ngưỡng của cá nhân Ngài chúng ta tôn trọng, ý hướng tu hành thoát tục của Ngài chúng ta kính mến, nhưng đối với lịch sử, mọi người đều có quyền phê phán. Ngài là một trong những nhân vật quan trọng đã làm nên lịch sử Đạo Cao Đài. Yếu tố đức tin của con người đối với thần quyền cơ bút hết sức hệ trọng, một mặt nó đã giúp gầy dựng nên hình thể Đạo Cao Đài, mặt khác chia phe phân phái.

2/- Nguyên nhân do chính trị xã hội.

Đạo Cao Đài thành hình năm 1926 khi chế độ thực dân Pháp còn cai trị Việt Nam. Dĩ nhiên chính quyền Pháp buổi ấy không bao giờ muốn thấy bất cứ một phong trào quần chúng hay một thế lực chính trị nào của người Việt Nam vươn lên vì họ rất sợ bị lật đổ. Về phương diện tâm lý, cũng như một bác sĩ lúc nào cũng nghi ngờ vi trùng ở xung quanh mình, ngay từ đầu người Pháp vẫn luôn luôn nghi ngờ Đạo Cao Đài là một tổ chức chính trị trá hình để chống Pháp.

Triết lý của tôn giáo mới này là tổng hợp Ngũ Chi gồm Nho đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo có tiềm năng thu hút quần chúng. Và chẳng trong phần hình nhi hạ thuộc về chi Nho đạo và Thần đạo chủ trương Nho Tông chuyển thế, lấy tinh thần tu thân, tề gia, trị quốc bình thiên hạ của Nho giáo để giáo dân vì thiện thì đề tài lòng yêu nước thương dân vẫn có một sức thu hút tâm lý mạnh mẽ đối với mọi tầng lớp nhơn sanh. Đó là duyên cớ để con

mắt của nhà cai trị thực dân Pháp vốn đã nghi ngờ lại càng nghi ngờ thêm. Nhãn quang chính trị hóa tôn giáo của một phần đời nhìn đạo và của một phần đạo nhìn đời ngày càng lớn mạnh làm cho tính chất thiêng liêng cao cả của Đức Chí Tôn :

*" Thiên thai nào phải tại trần này,
 Chẳng phải giữa Trời chẳng phải mây.
 Đưa phép sanh tôn khuyên trẻ ngó,
 Theo chơn giới bước níu sau Thầy.*

Bị lu mờ đi trước những vấn đề thế sự, áo cơm, tự do, công lý của kiếp người chiếm gần hết thì giờ trong sinh hoạt của nhơn tâm.

Ngay từ đầu Đạo Cao Đài bị thực dân Pháp coi là đối thủ hay ít ra cũng nghi ngờ sẽ là đối thủ trong tương lai, nên biện pháp đối phó đầu tiên của nhà cầm quyền là ngăn cấm sự phát triển của nó, dùng kế ly gián để phân hoá khối quần chúng mới qui tụ này thành nhiều phe nhóm, để mong làm suy giảm thế lực và sau cùng thẳng tay đàn áp để diệt Đạo, bắt bớ, giam cầm chức sắc, đóng cửa các Thánh Thất. Nhà binh Pháp chiếm đóng Toà Thánh Tây Ninh vào năm 1941.

Nói tóm lại chính quyền Pháp có chủ trương và tác động để chia Đạo Cao Đài thành nhiều phe phái.

3/- Nguyên nhân từ phàm ngã cá nhân.

Đã là con người ai cũng có những nét phàm tục trong tinh thần của mình. Những bậc tiền bối khai Đạo, dù

chơn linh cao trọng đến đâu vẫn phải mang xác phàm với đầy đủ cấu tạo của lục đục thất tình, nên trong cung cách cư xử cùng nhau vẫn có chỗ không hoàn toàn vừa ý với nhau được hết, nhất là trong một cộng đồng đông đảo chức sắc.

Được Đức Chí Tôn ban quyền hành thánh thể nơi mình, khi thi thố Thiên trách ấy vẫn phải chịu lẫn lộn một phần phàm tính cá nhân. Sự xung khắc phàm tính cá nhân là nguyên nhân thúc đẩy những rối loạn Đạo quyền từ trong tâm hồn của những bậc Thiên mệnh. Cơ duyên tạo thành một khối Thánh chất hữu hình của Đại Từ Phụ đã có những dấu rạn nứt ngay từ trong tinh thần của mỗi người, càng qui tụ đông đảo chức sắc, dấu rạn nứt càng thể hiện rõ.

Điều ấy chẳng phải là sự nhầm lẫn của cơ bút mà bởi lòng từ bi của Đức Chí Tôn phong Thánh cho những người Thánh ít phàm nhiều, hầu lấy công đức tu hành phổ độ chúng sanh chuyển hóa cho trở thành Thánh nhiều phàm ít.

" Thầy nói cho các con hiểu trước rằng cả môn đệ Thầy đã lựa chọn lựa lựa còn lối nửa phàm vì Thầy cho yêu quái lấy danh Thầy mà cám dỗ. Cười ! Đi bao nhiêu đều mất bấy nhiêu, các con chớ buồn vì Thiên cơ phải vậy. Thi nhiều đạu ít là lẽ hằng. Các con liệu phương thế mà nâng đỡ đức tin của môn đệ cao lên hằng ngày ấy là công quả đầu hết ".

(TNHT. TG. 7-8-1926)

Sự va chạm của phần phàm ngã cá nhân trong hàng chức sắc về quyền hành, phẩm tước, danh dự, uy tín đưa tới những tranh chấp nội bộ cũng là một nguyên nhân lớn dẫn đến tình trạng chia phe phân phái.

Ai cũng mang xác phàm như nhau, người làm Giáo Tông, Hộ Pháp, Chưởng Pháp, Đầu Sư, Thời Quân được thì ta cũng làm được. Người thông công với Thượng Đế được thì ta cũng thông công được, ai cũng có linh hồn từ Thượng Đế cả. Tư tưởng này thúc giục sự tranh đấu để thăng tiến, điều ấy không có gì đáng trách vì là luật tấn hóa của các đẳng cấp chơn linh xuống trần riêng trong lãnh vực hình tướng. Nhưng cơn loạn Đạo không phải ở chỗ ý thức thăng tiến trong cơ cấu Đạo quyền mà ở chỗ phương pháp người chức sắc dùng để thăng tiến Đạo quyền và phẩm tước như thế nào mới là điều đáng nói.

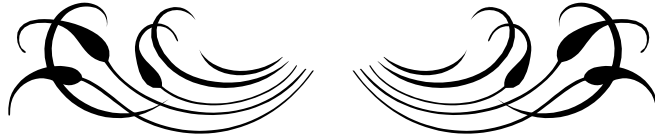
Những xảo thuật của đời được đem vào cửa từ bi là mối họa của Đạo ẩn trong chiếc áo thầy tu, khi có dịp sẽ hiện hình ra thành những rối loạn. Trong bất kỳ tổ chức tôn giáo nào cũng vậy, nếu thành phần tu sĩ được tuyển lựa, Thánh chất quá ít theo thời gian nắm giữ Đạo quyền lên cao dần thì cơn loạn Đạo sẽ khó tránh khỏi vì nó nằm ngay trong lòng của những tu sĩ kém đức này biến ra thành hành động.

Đành rằng từ khi thọ phong chức sắc, hầu như mọi tu sĩ Cao Đài đều có ý thức được bổn phận tu thân luyện kỹ của mình, đều có những cố gắng chế ngự phàm tâm và những hy sinh vô bờ bến trên đường phổ độ nhưng quyền năng của chúa quỷ :

*" Cửu phẩm Thần Tiên nể mặt Ta,
Thích Ca dầu trọng khó giao hòa "*

Đã đặt cuộc tranh đấu nội tâm chánh tà tương phản vào một tình thế mà kết quả trong lịch sử Đạo 50 năm qua trở thành nhiều trường phái bất đồng tư tưởng với nhau. Tình trạng ấy làm cho chủ trương qui nguyên Tam giáo, phục nhứt Ngũ Chi mà người tín đồ Cao Đài hăm hở theo đuổi khi nghe được lời dạy của Đức Chí Tôn, nhập môn cầu Đạo, dần dần đã xa như lời nói phỏng, còn thực tế của lịch sử Đạo vẫn có những góc độ không làm vui lòng Đại Từ Phụ.

" Nương theo con dại mới ra vậy "



TẠI SAO CHƯA QUI NHỨT ĐƯỢC CÁC CHI PHÁI

A- Tuân hành theo Thánh ý Đức Chí Tôn đã dạy từ khi chưa lập thành quyền hành Hội Thánh qua bản Pháp Chánh Truyền rằng :

" Cả môn đệ Thầy đã lựa chọn lọc lựa còn lối nửa phần...

Các con chớ buồn vì Thiên cơ phải vậy.

Các con liệu phương thế nào nâng đỡ đức tin của môn đệ cao lên hằng ngày ấy là công quả đầu hết "

(TNHT. TG. 7-8-1926)

Các bậc tiền bối trong Đạo Cao Đài đã có những cố gắng liên tục để đưa các chi phái trở về hiệp nhất với nguồn gốc ban đầu là Tòa Thánh Tây Ninh. Thế nhưng những cố gắng ấy đã trải qua nửa thế kỷ vẫn chưa thành công trên thực tế. Tại sao ?

Khởi đầu, một số chức sắc ở họ Đạo Cầu Kho công khai bày tỏ thái độ không tuân hành theo những nghi tiết Đại Đàn, Tiểu Đàn do Tòa Thánh Tây Ninh ban hành với lý do chờ những bậc trí thức tài giỏi hơn xem xét lại. Trước thái độ ấy Ngài Thượng Đẩu Sư Lê Văn Trung trả lời :

" Tôi cầu khẩn ai thông minh trí thức về Tòa Thánh giúp việc dựng đem tài trí ra giúp Đạo giúp Đồi. Ai còn thế sự ràng buộc thì đừng dưng ý kiến "

Mục đích là để giữ cho nền Đạo thuần một gốc mà thôi. Lời yêu cầu này không kết quả, phái Cầu Kho vẫn thành hình khoảng 1930.

Kế đến ông Phối Sư Thái Ca Thanh tách rời khỏi Tòa Thánh Tây Ninh về lập quyền riêng tại Cầu Vĩ, Mỹ Tho xưng danh là Minh Chơn Lý năm 1931. Ngài Thượng Tướng Thanh đang cầm quyền Thượng Chánh Phối Sư tại Tòa Thánh Tây Ninh đã viết văn thư ngày 1-11-1932 với lời lẽ thống thiết phân tích thiệt hư chơn giả của cơ bút, kêu gọi Ngài Thái Ca Thanh trở về Tòa Thánh hành Đạo.

Nhưng trở trêu thay, sau khi Ngài khuyên nhủ ông Phối Sư Ca như vậy thì đến lượt Ngài tách rời khỏi Tòa Thánh Tây Ninh vì những bất bình nội bộ để về Bến Tre lập ra " Ban Chính Đạo " cùng với ông Lê Bá Trang. Cả hai vị trước đó là quyền Đầu sư tại Tòa Thánh Tây Ninh. Ban Chính Đạo tiến thêm bước nữa lập thành Hội Thánh Bến Tre và Ngài Nguyễn Ngọc Tương trở thành Giáo Tông.

Năm 1937 chính Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang và một số vị Thời Quân ký tên phổ biến một " tờ kính cáo " lập quyền riêng tại Từ Vân Tự, Phú Nhuận, Gia Định. Sau này khi trở về Tòa Thánh hành đạo, Ngài có giải thích rằng sở dĩ Ngài phải làm như vậy là để kèm giữ đức tin của tín đồ và chức sắc đừng bị phân hoá thêm vì mưu ly gián của Pháp vào lúc ấy ! (?)

Hiện tượng phân hoá tổ chức Đạo Cao Đài thành nhiều chi phái tiếp diễn như một phong trào trên toàn quốc, trong khi tại Tòa Thánh Tây Ninh Đức Phạm Hộ Pháp dùng quyền độc tài do Đại Hội Nhơn sanh và Đại Hội Hội Thánh

năm 1935, ủy thác cho Ngài hành xử để đối phó với cơn loạn Đạo rộng lớn. Thoạt đầu cơ bút chi phái đưa ra Thánh giáo giải thích rằng Đức Chí Tôn lập ra 12 chi phái, lấy con số 12 là con số huyền bí của Thầy làm điểm tựa của đức tin và coi đó là Thiên cơ, phải có đủ 12 chi phái mới hoàn tất chu trình phát triển của tổ chức Đạo Cao Đài.

Thế nhưng lịch sử hình thành các chi phái không dừng lại ở con số 12 như người ta mong đợi mà vẫn cứ tiếp diễn đến chi thứ 13, 14, 15... và cho đến năm 1966 tác giả Hoài Nhân đã liệt kê được một danh sách 35 danh xưng chi phái trong quyển " Bốn mươi năm lược sử Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ".

Rồi đến lượt các chi phái cũng có những cố gắng hiệp nhất vì xưa nay sự chia rẽ và nghịch lẫn dù dưới hình thức nào cũng không thể gọi là chánh lý được.

Các danh xưng như " Cao Đài hiệp nhất", " Cao Đài thống nhất ", " Tổng hợp chi phái Cao Đài", " Ban vận động tổng hợp chi phái Cao Đài"... tự nó đã nói lên ý hướng đoàn kết, thống nhất mới là chánh lý. Song đó chỉ là ý hướng, còn hành động thực tế, cuộc đại hội các chi phái Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh ngày 22-11-1972 vừa qua vẫn chưa đem lại kết quả gì đáng kể cho cơ qui nhất. Tại sao ?

Có hai thành lũy chưa vượt qua được nằm sẵn trong lòng người khiến công cuộc vận động các chi phái hiệp nhất cùng nguồn cội của Đạo chưa thành công được là :

- Nạn áo mão quyền hành thuộc lãnh vực nghi thức Đạo giáo.
- Nạn thần quyền đức tin thuộc lãnh vực triết lý giáo điều.

Rải rác trong các đề mục trước đây, đều có đề cập đến những nguyên nhân gây chia rẽ từ trong lòng người tín đồ, dù giáo lý Cao Đài chủ trương qui hiệp sâu rộng trong giáo lý và hành động, nên không cần phải nhắc lại nhiều lần, chỉ tóm tắt để chánh lý hiện rõ hơn giữa một rừng lý luận tranh cãi thiệt hơn, hơn thiệt.

1/- Về triết lý giáo điều.

Không có sự khác biệt mấy giữa các hệ tư tưởng. Tất cả đều nhìn nhận và tin tưởng rằng con người từ một nguồn gốc sinh ra, tối linh tối diệu, tịnh thì vô ngã, động thì hữu ngã, gọi danh là Đức Chí Tôn. Đức Chí Tôn phân tánh giáng sanh thể hiện một phần cái linh của Ngài trong tinh thần của những bậc giáo chủ, bày ra các giáo thuyết khác nhau tùy theo trình độ nhơn loại ở từng thời kỳ và vùng đất khác nhau, mục đích để điều dẫn bước đi của nhơn loại theo chiều hướng phản bốn hườn nguyên.

Thời kỳ này, nhơn loại trên toàn cầu sinh hoạt thông đồng với nhau dễ dàng. Đức Chí Tôn dụng huyền linh cơ bút, tổng hợp tinh hoa các giáo thuyết ấy lại, hé lộ thêm đôi điều Thiên cơ bí ẩn lập thành giáo thuyết Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ còn gọi là Cao Đài.

Sự khác biệt giữa các hệ phái tư tưởng là ở phương pháp tu hành, tất cả đều chủ trương hướng cuộc đời mình

về nguồn gốc linh thiêng là linh hồn bất diệt để giác ngộ giải thoát. Nhưng tùy theo căn cơ tức là trình độ tấn hóa và duyên nghiệp của linh hồn từ tiền kiếp, trong kiếp này người thì chú trọng đến phần hạ thừa nhập thế, hành đạo trên nền tảng Thiên mệnh chi vị tính. Người thì chú trọng đến phần thượng thừa, tịnh luyện, thiền định, ẩn dật, thoát tục... Từ đó nảy sinh ra hai trường phái gọi là vô vi và phổ độ, làm biến tướng tổ chức Đạo Cao Đài vốn là một tổng hợp các hệ tư tưởng của Ngũ Chi Đại Đạo đã có từ trước, và làm sai lệch ý nghĩa của hai tiếng Phổ Độ khiến cho nó trở thành phiến diện, bị hiểu lầm như một loại sinh hoạt tuyên truyền, nặng nề âm thịnh sắc tương ở bề ngoài mà chẳng hề có đủ năng lực giải thoát ở bên trong.

Sự hiểu lầm đó là một biểu hiện của tinh thần phục nhứt Ngũ Chi chưa nhuần nhuyễn trong lòng người, một dư âm của những va chạm ý thức từ tiền nhân lưu lại, xuất phát từ những lý luận của môn đồ các nhà luận bác từ ba dòng tư tưởng Phật, Lão và Khổng giáo mà ra. Nói khác đi. Qui nguyên Tam Giáo thì có mà phục nhứt Ngũ Chi chưa trọn nên từ sự hiểu biết triết lý như vậy, hành động bị biến tướng thành hai trường phái gọi là vô vi và phổ độ.

Quan điểm trường phái chia cách này, thể hiện rõ nhứt trong bài ca tụng của cụ Trần Văn Quế viết để giới thiệu quyển kinh Đại Thừa Chơn giáo và được phụ họa thêm bởi các bài giảng cơ mà đồng tử đã diễn tả rõ ràng tinh thần đối kháng, chẳng hạn bài cầu cơ tại Thất Bửu Sơn ngày 5-5-1932 đăng nơi trang 89 quyển " Lịch Sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu ", ấn bản năm 1962. Xin trích một đoạn

".....

Tôi tuổi này mà đi xem cõi hồng soi được

Dẫn nhưn sanh dất tuốt Thiên Đình
 Công mở Đạo là tại Tỉnh Tây Ninh
 Người bởi quấy nên nhưn tình không đầu phục
 Thương tổ đình nên theo một lúc
 Hại nhưn sanh cui cút tu hành

....."

Bao lâu mà trong lòng người tín đồ Cao Đài rải rác ở chi này, phái nọ còn có cái nhìn và sự hiểu biết triết lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ một cách phiến diện và rời rạc như thế thì cơ qui nhất các chi phái Cao Đài khó thành tựu được.

2/- Về áo mão quyền hành :

Đã có hợp quần ắt gây sức mạnh, đã có quyền bính ắt phải có đua tranh, thuật cai trị xã hội loài người gọi là chánh trị áp dụng trong một cộng đồng tín ngưỡng vẫn đương nhiên không đi ngoài nguyên tắc ấy. Các tổ chức Đạo giáo xưa nay dù lớn hay nhỏ nói chung, tổ chức Đạo Cao Đài nói riêng một khi đã có tập hợp tín đồ lại bởi quyền năng vô hình của tinh thần, của đức tin vào một triết thuyết, vẫn cần phải có những qui định luật pháp nội bộ, để giữ bền cơ sanh hoạt của cộng đồng tín ngưỡng trong vòng trật tự điều hòa.

Tính chất căn bản trong tinh thần con người là muốn vươn mình lên theo đủ mọi chiều hướng, cả hình chất lẫn tâm linh, nên quyền hành trong tổ chức đạo giáo một khi đã thành hình, luôn luôn là một đối tượng thu hút tinh thần con người, muốn nắm lấy như là một biểu lộ của bản ngã, một sáng tạo của linh hồn khi nhập thế. Các tu sĩ nắm quyền cai

trị trong tổ chức đạo giáo tuy biết rằng quyền hành ấy chỉ là phương tiện để điều độ như sanh giác ngộ, vẫn không sao tránh khỏi bị đặt mình trong tình thế phải có tranh đua giữ lấy quyền bính phẩm tước đạo giáo.

Trong tổ chức Đạo Cao Đài, quyền hành hữu hình cao nhất là Giáo Tông, được qui định trong Pháp Chánh Truyền chỉ có một Giáo Tông là Anh cả của toàn thể tín đồ, do Đức Chí Tôn giáng cơ phong thưởng, hoặc do toàn thể khối tín đồ công cử, lựa chọn trong số ba Chưởng Pháp, ba Đầu sư chánh vị là ứng cử viên.

Quyền hành tối cao tối trọng ấy trong buổi đầu lập giáo Đức Chí Tôn định ban cho Ngài Ngô Văn Chiêu nhưng Ngài đã từ chối. Sau đó chơn linh Đức Lý Thái Bạch cầm quyền Nhứt Trấn oai nghiêm phải kiêm nhiệm luôn quyền hành của Giáo Tông, dùng cơ bút điều khiển công việc hữu hình của Hội Thánh.

Ngày nào chơn linh Đức Lý Thái Bạch chưa từ nhiệm Giáo Tông thì ngôi Giáo Tông đâu có chỗ trống để một người khác lên thay thế được. Nếu các chi phái qui hiệp với nhau thành một khối duy nhất, trong đó có cả Hội Thánh tại Tòa Thánh Tây Ninh là gốc, thì ngôi vị của các Giáo Tông ở chi phái phải đặt để ở vị trí nào trong Pháp Chánh Truyền cho hợp lẽ ?

Đó là trở ngại lớn nhất về phương diện tổ chức và nó gắn liền với đức tin của tín đồ các chi phái, xưa nay vẫn đầy đủ lòng tôn kính đối với vị lãnh đạo tinh thần của mình. Qui hiệp để rồi không còn được coi là Giáo Tông nữa, về phương diện tâm lý là một sự xúc phạm đến danh

dự, sự tôn kính của người lãnh đạo mà tín đồ các chi phái đã mến yêu.

Các phẩm vị khác kể dưới cũng vậy. Con số chức sắc cầm quyền Đạo ở mỗi hàng phẩm đều có giới hạn, không thể vượt qua được vì Chí Tôn đã định ra như vậy trong Pháp Chánh Truyền.

- 1 Giáo Tông.
- 3 Chương Pháp.
- 3 Đầu Sư.
- 36 Phối Sư.
- 72 Giáo Sư.
- 3000 Giáo Hữu.

Đó là những con số định mức tối đa không thể sửa đổi được. Tỉ như phẩm Đầu Sư được ấn định là ba vị, nếu tất cả các chi phái hiệp lại chung với Tòa Thánh Tây Ninh, con số chức sắc phẩm Đầu Sư sẽ nhiều hơn ba vị thì ai sẽ còn, ai sẽ mất ? Danh dự, uy tín của con người ở cõi thế này dù nhỏ dù lớn, ai cũng muốn mình được tôn trọng, đâu ai muốn mình bị sút giảm. Nói chung nếu cơ qui nhứt các chi phái thành hình, sẽ có tình trạng " khủng hoảng thừa" chức sắc, nhất là các hàng phẩm cao cấp và để điều chỉnh cho đủ số trong Pháp Chánh Truyền giới hạn, ai sẽ là người chịu hy sinh rút lui khỏi hệ thống Đạo quyền hay là chấp nhận bị giáng cấp ?

Nạn thừa áo mão đi kèm với vấn đề đức tin thần quyền, danh dự của con người ít nhiều cũng có xáo trộn, sự thật trong lòng người khó nói ở điểm này trước hội nghị. Vì vậy mà cơ qui nhứt các chi phái đến nay vẫn còn bị trở ngại.

Tóm lại để có một ý niệm rõ ràng hơn lý giải được phần nào những thắc mắc của lý trí con người, tại sao triết học Cao Đài hứa hẹn tổng hợp tinh hoa các giáo thuyết trong khi tổ chức Đạo Cao Đài bị phân hóa thành nhiều chi phái và cho đến nay chưa qui nhất được, chúng ta hãy nhìn lại những biến cố lớn trên dòng tư tưởng Cao Đài giáo theo trình tự thời gian từ đầu :

- Từ cuối năm 1919-1925 : là thời kỳ tiền Khai Đạo, Đức Chí Tôn dùng huyền diệu cơ bút thân phục đức tin của nhiều người trong đó Ngài Ngô Văn Chiêu nổi bật hơn hết.
- Năm 1925 : phong trào cơ bút phát triển mạnh tại một số tỉnh ở miền Nam Việt Nam, nhiều nhóm phò loan thành hình.
- Năm 1926 :
 - + Khởi sự phổ độ chúng sanh và Đức Chí Tôn có lời tiên tri rằng bây giờ các môn đệ xúm xít bên nhau trong buổi đầu tu hành sau sẽ chia cách.
 - " *Gần gũi sau ra vạn dặm trường* ".
 - (*Thánh giáo 20-2-1926*)

+ Đến ngày 24-4-1926, Ngài Ngô Văn Chiêu không nhận trách nhiệm Giáo Tông Đạo Cao Đài, tách rời khỏi sinh hoạt phổ độ, chuyên chú về tịnh luyện, phái Chiếu Minh thành hình.

+ Ngày 7-8-1926 Đức Chí Tôn cho biết trước. Đại ý như sau :

" *Hễ Đạo khai thì tà khởi....*

*Thầy cho tà quái lấy danh Thầy mà cám dỗ....
Môn đệ còn lại nửa phần, Thiên thơ phải vậy. Các
con chớ buồn, thi nhiều đậu ít...."*

+ 18-11-1926 , ba tháng sau khi có lời tiên tri " Đạo khai tà khởi " là một nguyên lý trong sự vận hành Đạo pháp, tà quái xung nhập vào ngay đàn cùng Lễ Khai Đạo 15-10 Bính Dần tại Từ Lâm Tự (Chùa Gò Kén) làm mất đức tin nhiều người.

Cũng trong dịp Lễ Khai Đạo này, Đức Chí Tôn chính thức ban quyền hành cho chức sắc, lập thành Hội Thánh qua bản Pháp Chánh Truyền.

- 1928 : Thánh giáo Chơn Cực Lão Sư (18-7-1928) và Thánh Giáo Đức Chí Tôn (5-8-1928) báo cho Hội Thánh biết trước rằng nền Đạo sẽ bị phân chia chi phái vì những khuyết điểm của người hành đạo và coi việc phân chia sắp xảy ra này là một việc xấu.

"..... Đạo thế chẳng kíp thì chầy sẽ thành ra một món hàng mà mỗi người trong Đạo sau khi giành giật cấu xé nhau thì sẽ phân chia tan tành manh mún để trò cười về sau đó...."

- 1930 : Phái Cầu Kho thành hình, công khai bày tỏ không tuân hành theo nghi tiết Đại và Tiểu đàn của Tòa Thánh Tây Ninh ban hành.
- 1931 : Phái Minh Chơn Lý ra đời.
- 1932 : Phái Tiên Thiên ra đời.

- 1934 : Phái Bến Tre thành hình (Ban Chính Đạo)

Và cứ thế hiện tượng chi phái tiếp diễn với những nguyên nhân xa gần đã phân tích ở các mục trước.

B- THIÊN CƠ HAY PHÀM Ý ?

Thiết nghĩ Thiên cơ hay phàm ý cũng chỉ là hai mặt của một vấn đề. Biết trước hiện tượng sắp xảy ra nhưng vẫn không tránh khỏi là phương diện Thiên cơ, nhìn thấy nguyên nhân phàm tục tác động nên hình sự việc là phương diện phàm ý. Thánh ý Đức Chí Tôn lập Đạo là để diệt phàm tâm nâng Thánh chất của con người. Ngài báo trước để chúng ta liệu phương sửa mình trong việc hành đạo, lại có kẻ lợi dụng lời tiên tri ấy giải thích rằng phân hóa Đạo Cao Đài thành nhiều chi phái là đúng với Thiên ý, nghĩa là ý Trời muốn có sự chia rẽ như vậy.

Có vị Thầy nào mở trường dạy học lại muốn cho môn sinh của mình mất đoàn kết, kém thương yêu và thi rớt đầu ?

Sao chúng ta lại gán cho Thiên ý cái nghĩa xấu như thế ?

Khởi phàm tâm tục tánh và những nghiệp chướng tiền khiên còn đọng lại trong chơn thân con người sẽ tác động nên hình, cụ thể những sự việc sắp xảy ra như thế nào Đại Từ Phụ đều thấy rõ, bởi Ngài là Đấng Thượng Đế toàn năng, toàn tri, nên Ngài báo trước gọi là " Thiên cơ phải vậy ". Ấy là nói về phương diện luật công bình của Thiêng

Liêng. Đại Từ Phụ từ bi cho biết trước để người hành đạo lưu tâm tìm phương làm giảm bớt những tác hại của vấn đề.

Đó cũng là một chút công tu của mình trong nghịch cảnh. **Bởi lẽ có hai cách để các chơn linh đầu kiếp trang trải nợ nần oan trái với nhau tại cõi hữu hình này.**

- **Một là lấy công quả phụng sự vạn linh tiêu trừ nghiệp chướng.**
- **Hai là phải chịu khổ dượt và phải giữ vững tinh thần của mình trong sáng trước nghịch cảnh trái ngang trên bước đường tu.**

Thiên ý Đức Chí Tôn khi mở Đạo là Ngài luôn luôn muốn con cái của Ngài phải thương yêu đoàn kết với nhau, anh trước em sau mà dắt nhau đến nơi Bồng Đảo, nghĩa là tạo nên hình một khối Thánh chất. Còn mặt luật công bình của Thiêng Liêng, cơ vay trả của các linh hồn khi xuống thế, gặp nhau trong cửa Đạo Cao Đài này, buộc phải có nghịch cảnh biến sanh ra từ nơi lòng phàm tục của con người là nguyên nhân tạo nên hình thể rạn nứt của Hội Thánh di đến chia phe phân phái nghịch lẫn nhau gọi là "Thiên cơ phải vậy".

Mọi sự hiểu lầm về ngôn ngữ trong Thánh Ngôn đều gây tác hại không ít cho nền chánh giáo của Đức Chí Tôn, người cầm bút viết sử Đạo hay nhà truyền giáo không khéo thay vì lập nên công nghiệp hữu ích cho cơ tấn hóa của nhơn sanh lại giúp tay cho tà thần mở lối.

Nói vắn tắt, Thiên ý là phương diện tốt của vấn đề, còn khía cạnh xấu như mất đoàn kết, kém thương yêu, chia rẽ, phân hóa nội bộ... là do phàm ý con người gây ra dù ở một hình thức tinh vi như tự kỷ ám thị của đồng tử đã để cho ý người xen vào trong Thánh giáo của Thần Thánh cũng coi là phàm ý.

Nhìn lại 50 năm lịch sử Đạo, với những nguyên nhân xa gần đã phân tích, hiện tượng phân chia chi phái Đạo Cao Đài là một việc tất nhiên, khó tránh được. Điều cần làm bây giờ là phải tìm phương tom góp lại theo lời dạy của Đức Chơn Cực lão sư ngày 18- 7- 1928 được bao nhiêu nên bấy nhiêu. Đó là ý hướng chính đáng trên đường phổ độ chúng sanh./.



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH



NHÌN LẠI

50 NĂM

LỊCH SỬ

ĐẠO CAO ĐÀI

ĐẠO CAO ĐÀI

MỤC LỤC



| | |
|---|----|
| ❖ Tựa..... | 1 |
| ❖ Đạo Thầy duy có một..... | 3 |
| ❖ Tại sao Ngài Ngô văn Chiêu từ ngôi Giáo Tông | 9 |
| ❖ Ai là Giáo Tông Đạo Cao Đài..... | 16 |
| ❖ Ai là Hộ Pháp Đạo Cao Đài | 27 |
| ❖ Ngôi Giáo Chủ Đạo Cao Đài..... | 33 |
| ❖ Tại sao chi phái thành hình thiên cơ hay phàm ý ... | 40 |
| ❖ Tại sao chưa quy nhất các chi phái | 55 |